



CTCP CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



NỘI DUNG

03

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 04 Thông tin khái quát
- 04 Lĩnh vực hoạt động
- 06 Những dấu mốc lịch sử
- 07 Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
- 10 Mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức
- 12 Rủi ro
- 14 Vị thế của công ty
- 15 Mục tiêu và định hướng tương lai

16

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 17 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 18 Tổ chức và nhân sự
- 30 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 32 Tình hình tài chính
- 34 Thông tin cổ đông

36

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 37 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 45 Tình hình tài chính
- 45 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản
- 46 Kế hoạch phát triển tương lai
- 47 Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

48

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 49 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 54 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 55 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

56

QUẢN TRỊ CÔNG TY

68

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2012**

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Lĩnh vực hoạt động
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
 - ❖ Mô hình quản trị & Sơ đồ tổ chức
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CTCP CAO SU BẾN THÀNH
Tên tiếng anh	: BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: BERUBCO
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 82.499.980.000VND (tám mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	: Lô B 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84.8) 3790 7619 – 3790 8068
Fax	: (84.8) 3790 7461
Email	: berubco@berubco.com.vn
Website	: http://berubco.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: số mới 0301150295 (số cũ 4103006483) đăng ký lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/08/2010

Lĩnh vực hoạt động

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su như băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)
- Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc;
- Xây dựng công trình dân dụng; đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;
- Kinh doanh lưu hành nội địa; kinh doanh nhà hàng khách sạn. Kinh doanh nhà.



Cơ cấu doanh thu

STT	Doanh thu	2011	2012
01	Băng Tải	56,69%	56,87%
02	Dây Courroie	9,96%	9,14%
03	Cao su kỹ thuật	9,24%	17,52%
04	Kinh doanh cao su	24,11%	16,47%



NHỮNG DẤU MỐC LỊCH SỬ

Năm 1994: Là tiền thân của Xi nghiệp Cao su Giải phóng trực thuộc Sở Công nghiệp TPHCM. Năm 1994, đổi tên thành Công Ty Cao Su Bến Thành trực thuộc Sở Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh.

Năm 1998: Di dời về khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi

Năm 2007: Đổi tên thành Công ty cổ phần cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn.

Năm 2008: Tăng vốn điều lệ lần đầu lên 75.000.000.000 đồng.

Năm 2010:

Nhãn hiệu BERUBCO được công nhận của Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam và đạt Tiêu Chuẩn Công Nghệ Nhật Bản JIS K6322, JIS K6323.

Công ty phát hành cổ phiếu thưởng nâng vốn điều lệ lên 82.499.980.000 đồng.

Năm 2011: Cổ phiếu BERUBCO được chính thức giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã CK là BRC.

Năm 2012: Tiến hành đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải cao su lõi thép, có tính năng vượt trội so với băng tải lõi vải thông thường, dự án đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương lao động Hạng 3,
năm 2011



Chứng nhận Cúp vàng
thương hiệu Công Nghiệp
hàng đầu Việt Nam



Kỷ niệm chương vì sự nghiệp
phát triển cao su



Chứng nhận Cúp vàng
thương hiệu Công nghiệp
Việt Nam



Huy chương vàng hàng công
nghiệp VN



Huy chương vàng cho sản
phẩm băng tải tại hội chợ hàng
công nghiệp VN



Huy chương vàng Hội chợ công
nghiệp quốc tế 2006

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Băng tải thông dụng:

- Được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp xi măng, khai thác than đá, phân bón, khai thác đá, v.v
- Công suất chuyển tải lớn, cường lực cao, độ dẫn thấp, chịu ẩm ướt, chịu mài mòn, chịu va đập, chịu uốn tốt.



Băng tải chịu nhiệt:

- Được sử dụng trong các nhà máy nung quặng, than nung, chuyển tải clinker, xi măng và các vật liệu có nhiệt độ cao.
- Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu cao su tổng hợp EPDM hoặc CHLOBUTYL có tính năng chịu nhiệt chuyên dùng để chuyển tải những vật liệu có nhiệt độ từ 1000C ~ 2000C



Băng tải chịu dầu:

- Loại băng tải này dùng để chuyển tải những sản phẩm có dầu như thức ăn gia súc, phân bón, bã đậu nành, ...
- Lớp cao su mặt của băng tải này được làm từ hỗn hợp cao su NBR hoặc CR có tính năng chịu các loại dầu động thực vật và khoáng vật.

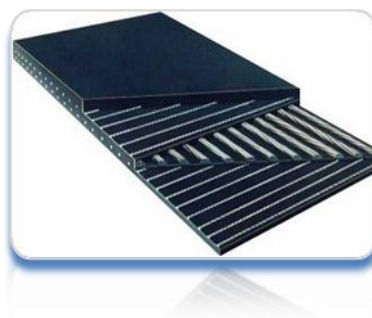


Băng tải kháng bắt lửa:

- Được sử dụng rộng rãi trong các ngành khai thác than đá và những ngành công nghiệp khác, những nơi có nguy cơ phát cháy cao.
- Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu được xử lý bằng hóa chất có tính năng kháng bắt lửa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA.

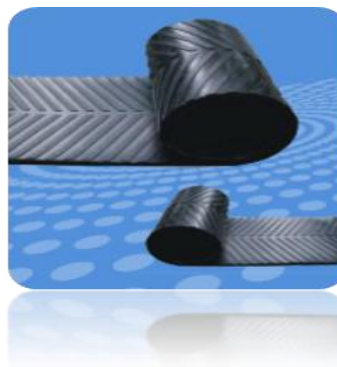
Băng tải lõi thép:

- Loại băng tải này dễ uốn gấp theo chiều ngang. Khả năng chịu tải với tốc độ cao, có tuổi thọ khoảng 3 năm.
- Độ dài đường chuyển có thể đạt trên 300 m
- Cường độ chịu lực lên đến 6.300 N/mm



Băng tải gân:

- Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu dạng bột/hạt như cát, sạn, than mịn
- Loại băng này dùng để tải những nguyên vật liệu rời đi đoạn đường nghiêng góc từ 17 ~ 28 độ và các nguyên vật liệu được đóng trong bao bì đi đoạn đường nghiêng góc từ 30 ~ 35 độ.



Băng tải tai bèo:

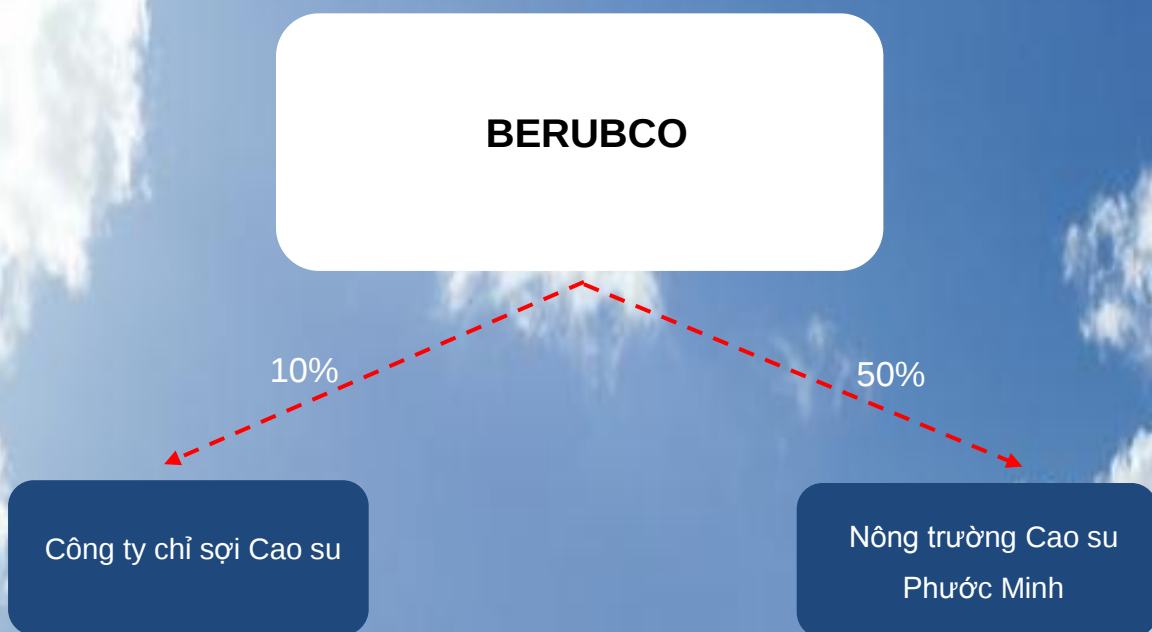
- Loại băng này dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu/sản phẩm dạng bột dễ bị rơi vãi ra hai bên.
- Ở hai biên có lớp cao su thẳng đứng dăng tai bèo dùng để chắn không cho nguyên vật liệu/ sản phẩm rơi vãi hai bên.



Dây courroie

- Các loại dây đặc biệt dạng courroie như: dây trơn bản loại trơn và loại có hình dáng thiết kế theo yêu cầu khách hàng ...
- Đặc điểm kỹ thuật: Lực kéo đứt cao, độ dẫn thấp; Chịu uốn và kháng mài mòn tốt; mỗi cỡ số đều đồng nhất về chiều dài và tiết diện.





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Sơ đồ tổ chức

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TGĐ

KINH DOANH

PHÓ TGĐ

KỸ THUẬT

KẾ TOÁN TÀI
CHÍNH

XUẤT NHẬP
KHẨU

SẢN XUẤT
KINH DOANH

XÍ NGHIỆP
SẢN XUẤT

KỸ THUẬT

NHÂN SỰ
HÀNH
CHÁNH

Nông
trường
liên kết

Văn phòng
Hà Nội

Vật tư
Thành
phẩm

KCS và KS
quá trình

Chuyên
Cán luyện

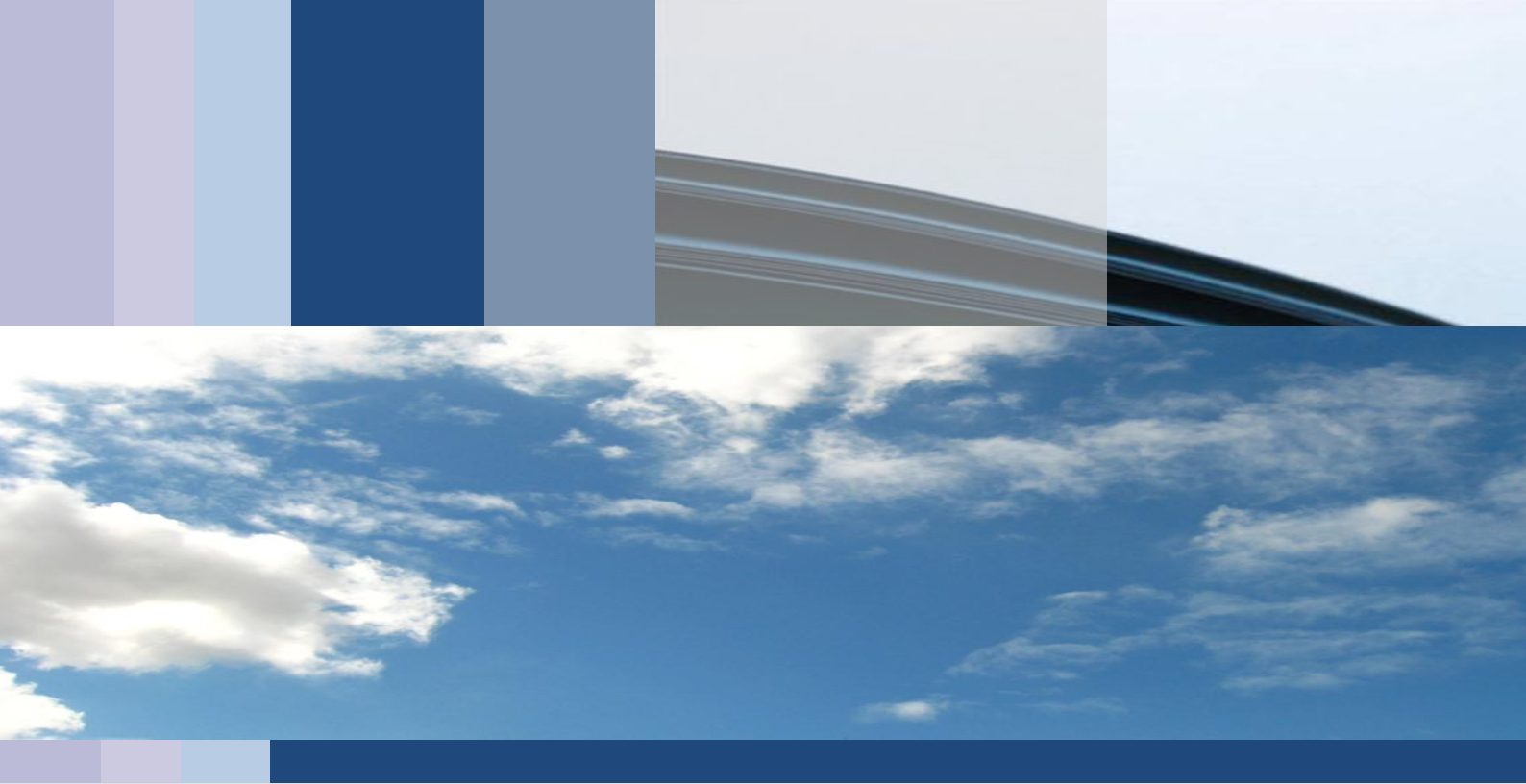
Chuyên
Băng tải

Chuyên
Courroie

Cao su
kỹ thuật

Cơ khí
bảo trì

Cao su
màu



RỦI RO

Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào sử dụng trong sản xuất các sản phẩm của BERUBCO chủ yếu là cao su thiên nhiên chiếm khoản 70%, còn lại là cao su tổng hợp và các nguyên vật liệu khác. Mặc dù, Việt Nam hiện đứng thứ 4 trên thế giới về sản xuất cao su thiên nhiên, nguồn cung cao su thiên nhiên chủ yếu là từ các doanh nghiệp trong nước tuy nhiên giá cả của loại vật liệu này vẫn còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ giá cao su thiên nhiên trên thế giới.

Là một doanh nghiệp có uy tín và hoạt động lâu năm trong ngành, BERUBCO ý thức được rất rõ tầm quan trọng của việc bình ổn giá cả nguyên liệu đầu vào. Vì vậy, Công ty luôn thiết lập được mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong nước đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp cao su thiên nhiên khác đồng thời cũng duy trì khoảng 100 ha rừng cao su để có chủ động được nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý.

Rủi ro về biến động giá cả đầu ra

Hiện nay BERUBCO là thương hiệu sản xuất băng tải hàng đầu và là một trong hai nhà máy sản xuất băng tải tại Việt Nam. Thị phần trong nước của công ty từ 30% – 40% thị phần các sản phẩm cao su cùng loại, chiếm thị phần lớn nhất ở thị trường trong nước.

Đối với mặt hàng chủ lực của Cao su Bến Thành thì năng suất nhà máy hiện tại vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nội địa. Vì vậy, thách thức rất lớn đó là sản phẩm nhập khẩu chất lượng thấp, giá rẻ từ Trung Quốc đang cạnh tranh rất gay gắt trên thị trường trong nước. Nếu nhìn theo hướng tích cực thì đây cũng là một cơ hội, một động lực giúp cho BERUBCO tổ chức sản xuất tốt hơn, phát triển mở rộng nhà máy nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và khẳng định vị thế của công ty.



Rủi ro về tỷ giá

Bên cạnh cao su thiên nhiên thì cao su tổng hợp cũng là một nguồn nguyên liệu không thể thiếu trong quá trình sản xuất của BERUBCO. Hiện này, hầu hết nguồn nguyên liệu này phải nhập khẩu, vì vậy biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của công ty. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu được công ty xác định là thị trường tiềm năng vì vậy bên cạnh củng cố thị trường trong nước, BERUBCO sẽ có những chính sách riêng đối với khách hàng nước ngoài. Mục tiêu đến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt được 2 triệu USD. Rủi ro về biến động tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động đến kết quả kinh doanh của công ty đồng thời cũng sẽ gây ra nhiều khó khăn cho việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh dự kiến.

Rủi ro về lãi suất

Mặc dù so với các doanh nghiệp trong ngành thì tỷ lệ vay nợ của BRC tương đối thấp, tuy nhiên trong bối cảnh lãi suất ngân hàng vẫn chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp, tăng cường thu hồi các nợ phải thu trong thời gian ngắn nhất.

Rủi ro dự án nhà máy mới

Hiện tại băng tải lõi thép trên thị trường Việt Nam đều phải nhập khẩu. Việc đầu tư nhà máy sản xuất băng tải lõi thép sẽ giúp BERUBCO trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong cả nước sản xuất sản phẩm này. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của dự án khi mà công suất nhà máy chưa cao, chi phí khấu hao, chi phí nhân công và vận hành sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Cần có thời gian để tiếp cận thị trường và khai thác hết công suất của nhà máy. Vì vậy, rủi ro đầu ra của nhà máy là vấn đề cần quan tâm. Kết quả kinh doanh của nhà máy cũng sẽ ảnh hưởng đến mức cổ tức chia cho các cổ đông trong các năm tới.

VỊ THẾ CÔNG TY

BERUBCO hiện là thương hiệu sản xuất băng tải số 1, chiếm thị phần lớn nhất tại Việt Nam với tăng trưởng doanh thu hàng năm bình quân 20-30%.

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn tiên tiến nhất của Nhật Bản JIS K6322, 6323 và quy trình sản xuất được quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001-2008 và đã được thị trường Mỹ, Singapore, Indonesia, Campuchia ... chấp nhận.



Băng tải của BERUBCO hiện chiếm 40% thị phần cả nước và có mặt ở 90% các công ty sản xuất công nghiệp lớn ở Việt Nam trong các ngành than, xi măng, phân bón ... Năng lực sản xuất băng tải công nghiệp của BERUBCO hiện nay là 200.000 m²/năm. Công ty đang có kế hoạch xây dựng nhà máy băng tải lõi thép, trong tương lai gần sẽ trở thành nhà sản xuất băng tải lõi thép đầu tiên của Việt Nam. Bên cạnh đó là việc sở hữu khoảng 100 ha rừng cao su giúp công ty chủ động được lượng nguyên liệu đầu vào, mang lại hiệu quả cho sản xuất kinh doanh mỗi năm.

Về dây courroie năng lực sản xuất là 12,5 triệu inch/tháng, xét đến nhu cầu của thị trường hiện nay thì con số này còn rất khiêm tốn. Vì vậy, công ty đã và đang triển khai mạnh sản phẩm này từ chất lượng đến số lượng và sẽ đầu tư mở rộng để chiếm lĩnh thị trường.

Về xuất khẩu có rất nhiều khách hàng Châu Phi trước đây nhập hàng từ Trung Quốc đã đến và muốn chuyển sang nhập khẩu của Việt Nam. Nhu cầu của họ quá lớn gấp nhiều lần năng suất hiện tại nên công ty còn cân nhắc vì ưu tiên đáp ứng thị trường trong nước trong khi chưa kịp đầu tư thêm thiết bị.



Sản phẩm cao su mang thương hiệu Berubco đã và ngày càng khẳng định chất lượng, uy tín của mình tại thị trường nội địa. Sản phẩm của công ty có mặt hầu hết tại các đơn vị trong ngành khai thác than, sản xuất xi măng, phân bón... và thậm chí nhập một số ngành mới như lương thực thực phẩm, ngành xây dựng, ngành in, ... Trên đà phát triển này Berubco xây dựng định hướng của mình trong giai đoạn 2010 đến 2020 sẽ là nhà sản xuất sản phẩm băng tải cao su lớn nhất và đa dạng nhất Việt Nam.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Cơ cấu cổ đông
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	%So với KH 2012	%So với 2011
Doanh thu thuần	191.884	-	166.361	-	115,34
Lợi nhuận từ HĐKD	16.839	-	16.568	-	101,64
Lợi nhuận trước thuế	18.628	18.000	16.565	103,49	112,45
Lợi nhuận sau thuế	16.311	13.500	14.108	120,82	115,62
Lãi cơ bản trên CP	1.977	-	1.710	-	115,61

Doanh thu thuần trong năm qua tăng 15,35% là do có sự tăng trưởng mạnh trong xuất khẩu cụ thể kim ngạch xuất khẩu tăng 147% so với năm 2011. Ngoài ra, trong năm 2012 sản lượng tiêu thụ cao su kỹ thuật tăng 112% từ 769.000 kg năm 2011 lên mức 1,69 triệu kg trong năm 2012. Trong năm qua, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng nhẹ 1,63% nhưng nhờ có sự đóng góp từ khoản thu nhập khác tăng 1,8 tỷ đồng do công ty xử lý được các khoản nợ phải trả giúp cho lợi nhuận trước thuế tăng 12,5% tương ứng 2 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 15,59% so với năm 2011. Đây là một kết quả đáng khích lệ trong năm qua.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
1. Hội đồng quản trị			
Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch HĐQT	1957	020140570
Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	1952	020134732
Nguyễn Bán	Thành viên	1957	021809713
Lê Thị Phương Dung	Thành viên	1974	022945079
Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	1962	022922626
2. Ban Giám Đốc			
Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	1952	020134732
Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc	1957	021809713
Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1967	260485227
3. Ban Kiểm Soát			
Nguyễn Văn Lương	Trưởng Ban KS	1960	023137123
Trần Thị Mỹ Hạnh	Tv.Ban KS	1973	022900356
Trương Thị Thu Hương	Tv.Ban KS	1980	023386475

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Huỳnh Trung Trực
Chủ tịch HĐQT



Ông Nguyễn Văn Thanh
Tv. HĐQT kiêm TGD



Ông Nguyễn Bán
Tv. HĐQT



Ông Phạm Đình Nhật Cường
Tv. HĐQT



Bà Lê Thị Phương Dung
Tv. HĐQT



1. Ông: HUYNH TRUNG TRUOC

Chức vụ	: Chủ tịch HĐQT
Trình độ chuyên môn	: Kỹ Sư Xây Dựng
Năm sinh	: 1957
CMND	: 020140570, cấp ngày 18/09/2009 tại TPHCM
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Số 7, Đường 39, KP5, P.Linh Đông, Q.Thủ Đức, TPHCM
Quá trình công tác	: Từ 1980 đến 1996: Cán bộ, Phó Phòng, Trưởng Phòng, Phòng xây dựng cơ bản Cty Cao Su Phú Riềng, Tổng Cty Cao Su Việt Nam Từ 1996 đến nay: Chuyên viên, Phó Ban , Trưởng Ban, Ban Xây Dựng Cơ Bản , Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam Từ 2007 đến nay: Chủ Tịch HĐQT CTCP Cao Su Bến Thành
Cổ phiếu nắm giữ	: 1.780.730 CP - Tỷ lệ: 21,58% ĐDSH cho Tập Đoàn CN Cao Su VN: 1.769.730 CP Cá nhân sở hữu: 11.000 CP
Họ tên người liên quan	: Không có



2. Ông: NGUYỄN VĂN THANH

Chức vụ	: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn	: Cao học Quản Trị KinhDoanh
Năm sinh	: 1952
CMND	: 020134732, cấp ngày 30/06/2008 tại CA TPHCM
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 195 Tô Hiến Thành, Phường 13, Q10, TPHCM
Quá trình công tác	: Từ 10/1976 đến 4/1977: NV Kế Toán P.Thống kê Tài chính giá cả - SCN TPHCM Từ 05/1977 đến 10/1981: Phụ trách P. Kế Toán CT Nhựa cao su – TP Kế Toán Thống kê XNLH Cao Su Từ 11/1981 đến 03/1986: TP Kế Toán tại XNLH Công Nông Nghiệp Cao Su Từ 04/1986 đến 07/1992: Trưởng phòng Kế Toán tại LHXN Công Nghiệp Cao Su Từ 08/1992 đến 12/2001: PTGD Công ty Công Nghiệp Cao Su RUBIMEX Từ 01/2002 đến 04/2007: Giám đốc công ty Cao Su Bến Thành Từ 05/2007 đến nay: Tổng Giám đốc công ty CP Cao Su Bến Thành
Cổ phiếu nắm giữ	: 1.485.813 CP - Tỷ lệ: 18,01% ĐDSH cho TCT Công Nghiệp SG: 1.484.940 CP Cá nhân sở hữu: 873 CP
Họ tên người liên quan	: Nguyễn Thanh Phương: Con Sở hữu: 70.000 CP - Tỷ lệ: 0,85%



3. Ông: NGUYỄN BÁN

Chức vụ : Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Khoa Học

Năm sinh : 1957

CMND : 021809713, cấp ngày 31/12/1998 tại CA.TPHCM

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 177 Phó Cơ Điều – Phường 6 – Quận 11 – TPHCM

Quá trình công tác : Từ 08/1978 đến 1986: Phó Quản Đốc XN Cao Su Tiến Bộ 1
Từ 1986 đến 10/1993: Phó Giám Đốc XN Cao Su Phú Lâm
Từ 10/1993 đến 04/2007: Phó Giám Đốc Công Ty Cao Su Bến Thành
Từ 05/2007 đến nay: Phó Giám Đốc Công Ty CP Cao Su Bến Thành

Cổ phiếu nắm giữ : 1.000.908 CP - Tỷ lệ: 12,14%
ĐDSH cho TCT Công Nghiệp SG: 972.638 CP
Cá nhân sở hữu: 28.270 CP

Họ tên người liên quan : Không có



4. Bà: LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG

Chức vụ : Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Năm sinh : 1974

CMND : 022945079, cấp 04/10/2006 tại CA TP.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 12 đường số 8, KP 5, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Quá trình công tác : Từ 1996 đến 2006: Làm việc tại công ty Xi măng Hà Tiên 1
Từ 2006 đến 2010: Làm việc tại công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam
Từ 2010 đến nay: Làm việc tại công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Cổ phiếu nắm giữ : Không có

Họ tên người liên quan : Không có



5. Ông: PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG

Chức vụ : Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính Kế Toán , CFO

Năm sinh : 1962

CMND : 022922626, cấp ngày 07/12/2004 tại CA TPHCM

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 118/47 Bạch Đằng – Quận Bình Thạnh ,TPHCM

Quá trình công tác : Từ 1981 đến 1985: Kế toán giá thành tổng hợp tại Nhà máy XMKL
Từ 1985 đến 1996: Kế toán tổng hợp tại Công Ty Xi Măng Hà Tiên 1
Từ 1996 đến 2001: Phó phòng kế toán – TKTC Công ty XMHT 1
Từ 2001 đến 2003: Phụ trách phòng kế toán – TKTC công ty XMHT 1
Từ 2003 đến 2009: Trưởng Phòng KTTKTC
Từ 2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành, Phó Giám đốc công ty CP XM Hà Tiên

Cổ phiếu nắm giữ : ĐDSH cho CTCP Hà Tiên1: 2.310.000 CP -Tỷ lệ: 28%

Họ tên người liên quan : Không có

GIỚI THIỆU **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bán
Phó Tổng Giám đốc



1. Ông NGUYỄN VĂN THANH (như trên phần HĐQT)



2. Ông NGUYỄN BÁN (như trên phần HĐQT)



3. NGUYỄN TRẦN NGHIỆM VŨ

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Thiết Kế Máy

Năm sinh : 1967

CMND : 260485227, cấp ngày 20/03/1993 tại Bình Thuận

Quốc tịch

: Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 126 Lê Thiệt – Phường Phú Thọ Hòa – Quận Tân Phú – TPHCM

Quá trình công tác : Từ 1991 đến 2002: Quản đốc xưởng để giày tại Cty Công Nghiệp Cao Su Rubimex
Từ 2002 đến 2005: Phó Phòng Kỹ Thuật Công Ty Cao Su Bến Thành
Từ 2006 đến 2007: Trưởng phòng Kỹ Thuật công ty Cao Su Bến Thành
Từ 2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc công ty CP Cao Su Bến Thành

Cổ phiếu nắm giữ : 16.698 CP - Tỷ lệ: 0,2%

Họ tên người liên quan : Không có

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Lương
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Trần Thị Mỹ Hạnh
Tv. Ban kiểm soát



Ông Trương Thị Thu Hương
Tv. Ban kiểm soát





1. Ông: NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 1960

CMND : 023137123, cấp ngày 12/02/2007 tại CA.TPHCM

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 406/17 Cộng hòa, Phường 13, Tân Bình, TP.HCM

Quá trình công tác : Từ 1978 đến 1982: Nhân viên Kế Toán tại Công ty cao su Bình Long
Từ 1983 đến 1987: Là Sinh viên Trường Đại học Tài chính kế toán
Từ 1988 đến 2008: Chuyên viên KT tại Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Từ 2009 đến nay: Phó trưởng Ban tài chính kế toán tập đoàn CN Cao Su Việt Nam , Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty Cao Su Bến Thành

Cổ phiếu nắm giữ : 18.700 CP - Tỷ lệ: 0,23%

Họ tên người liên quan : Không có



2. Bà: TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG

Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Năm sinh : 1980

CMND : 023386475, ngày cấp 17/06/2003, nơi cấp: TP.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 402 lô E, cư xá Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Quá trình công tác : Từ 2002 đến 2004: Chuyên viên Kế toán tại Công ty CP Gỗ Đức Thành
Từ 2004 đến 2007: Chuyên viên Kế toán tại Công ty CP Sữa Vixumil
Từ 2008 đến nay: Chuyên viên Kế toán tại Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1

Cổ phiếu nắm giữ : 14.200 CP - Tỷ lệ: 0,17%

Họ tên người liên quan : Không có



3. Bà: TRẦN THỊ MỸ HẠNH

Chức vụ	: Thành viên Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn	: Kỹ Sư Hóa
Năm sinh	: 1973
CMND	: 022900356, cấp ngày 26/09/1997 tại CA.TPHCM
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 126/24 Đường 100, Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TPHCM
Quá trình công tác	: Từ 1997 đến 2001: Nhân viên tại công ty Samyang Việt Nam Từ 2001 đến 2003: Nhân viên Kỹ Thuật tại Công Ty Cao Su Bến Thành Từ 2003 đến nay 04/2007: Phó Phòng Kinh Doanh Công ty CP Cao Su Bến Thành Từ 05/2007 đến nay: Phó Phòng KT – KT Công ty CP Cao Su Bến Thành, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su Bến Thành
Cổ phiếu nắm giữ	: 3.130 CP - Tỷ lệ: 0,04%
Họ tên người liên quan	: Không có

Những thay đổi trong ban điều hành

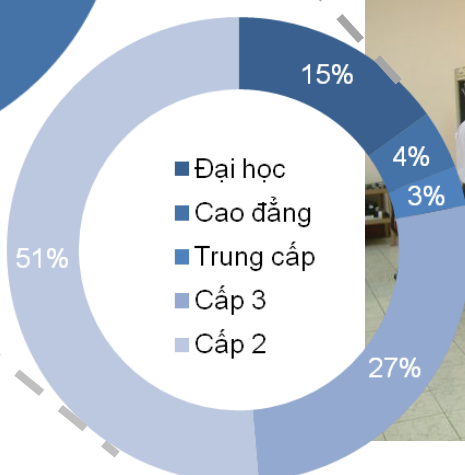
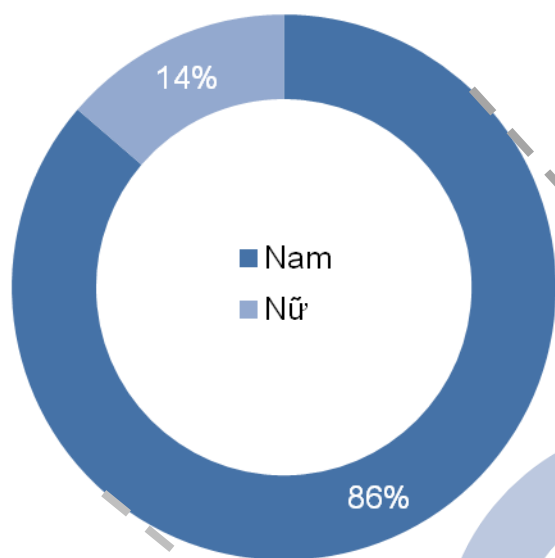
Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát không có thay đổi so với danh sách bầu cử nhiệm kỳ mới tại Đại hội cổ đông năm 2012.

Thống kê lao động

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HĐ có xác định thời hạn	70
HĐ không xác định thời hạn	75
HĐ theo thời vụ (công nhật)	1
Tổng cộng	146
Theo tính chất lao động	
Trực tiếp sản xuất	105
Không trực tiếp sản xuất	41
Tổng cộng	

Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của BERUBCO là thu hút người lao động có năng lực làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chí chọn lựa riêng, tuy nhiên tất cả các ứng viên đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản, có trình độ chuyên môn cơ bản, nhiệt tình và yêu thích công việc, có tính chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo,... với các vị trí cao hơn, yêu cầu đối với các ứng viên cũng nghiêm ngặt hơn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc cũng như các kỹ năng khác.



Chính sách đào tạo

Để chuẩn bị nguồn nhân lực cho các chức danh kế thừa, công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, qui hoạch cán bộ.

Từ năm 2008 đến nay, công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp như Giám đốc điều hành chuyên nghiệp (CEO), Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc kinh doanh chuyên nghiệp (CCO), Giám đốc sản xuất chuyên nghiệp (PPD) do trường doanh nhân PACE huấn luyện. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn (từ cao đẳng lên đại học, từ đại học lên cao học) nhằm nâng cao trình độ quản lý chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.



Chính sách khen thưởng, phúc lợi

ĐHCD Công ty quyết định mức trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Quỹ khen thưởng được sử dụng để thưởng trực tiếp cho các tập thể và cá nhân Người lao động có thành tích xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Quỹ phúc lợi được chi theo Thỏa ước Lao động tập thể với các chính sách khuyến khích, động viên Người lao động gắn bó, tâm huyết với doanh nghiệp. Ngoài ra, mỗi năm, Công ty còn tổ chức các chuyến nghỉ mát, sinh hoạt tập thể cho nhân viên toàn thể Công ty, tổ chức ngày quốc tế thiếu nhi, lễ hội trung thu, khen thưởng học sinh giỏi, xuất sắc, trao học bổng cho con em học giỏi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân ngày các ngày lễ, Tết ...



Chính sách lương

Công ty xây dựng và ban hành Quy chế Tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch Lao động - Tiền lương hàng năm trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh gắn với các mục tiêu chính: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận.

Công ty trả lương cho Người lao động theo kết quả và hiệu quả công việc, sử dụng tiền lương làm động lực để kích thích Người lao động tích cực làm việc, hoàn thành tốt số lượng, chất lượng công việc được giao, tăng năng suất lao động, gia tăng sản lượng và thị phần, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trước nhu cầu lớn về băng tải lõi thép của thị trường trong nước, BERUBCO quyết định đầu tư xây dựng nhà máy băng tải lõi thép với quy mô 3.461m², tổng vốn đầu tư khoảng 135,36 tỷ đồng.

Trong đó 33,5% là nguồn vốn tự có và khoảng 66,5% là vốn vay có hỗ trợ lãi suất.

Nhà máy sản xuất hiện hữu tại địa chỉ: Lô B3-1 KCN Tây Bắc, Củ Chi.

Tổng diện tích: 18.250m²

Diện tích xây dựng hiện hữu: 8.658m²

Diện tích xây dựng dự án mới: 3.461 m²

Công suất thiết kế đạt 90.000m² băng tải lõi thép/năm. Tiến độ thực hiện dự kiến kéo dài 28 tháng.

Hiện tại tính đến cuối năm 2012 công ty đã đầu tư 28,69 tỷ đồng trong tổng 135,36 tỷ đồng tổng vốn đầu tư. Dự kiến năm 2013 sẽ đầu tư thêm 100 tỷ đồng cho dự án.

Thời gian hoàn thành dự kiến là tháng 08/2013.

Đặc tính	Băng tải lõi thép	Băng tải lõi vải
Độ dài đường chuyên	Từ 300m trở lên	Dưới 200m
Cường lực	6.300 N/mm	3.000N/mm
Tuổi thọ	3 năm	1 năm
Độ dẫn dài khi chạy toàn lực	Rất thấp	Lớn
Khả năng chịu tải	Lớn với tốc độ cao	Thấp với tốc độ chậm
Uống gấp	Dễ uống gấp theo chiều ngang (băng tải uống)	Không thể uống gấp theo chiều ngang do khổ rộng nhỏ
Ngành sử dụng	Xi măng, than, cảng biển	Xi măng, than, cơ khí...
Công suất thiết bị	38m thành phẩm/ giờ	20m thành phẩm/ giờ

Danh sách công ty liên quan: công ty con, liên doanh, liên kết

Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ hiện tại
Nông trường cao su Phước Minh	260,25	50%
Công ty làm chỉ sợi Cao su	1.200	10%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2012	Năm 2011	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	225,87	181,83	24,22%
Doanh thu thuần	191,89	166,36	15,35%
Lợi nhuận từ HĐKD	16.839	16.569	1,63%
Lợi nhuận trước thuế	18,63	16,56	12,50%
Lợi nhuận sau thuế	16,31	14,11	15,59%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	25,33	34,10
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	74,67	65,90
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	38,42	31,93
	- Nợ/Vốn CSH	%	62,38	46,91
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,38	1,80
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,95	2,71
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- ROA	%	8,00	7,94
	- ROE	%	12,41	11,30
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,48	8,48
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	4,23	3,60
	-Vòng quay Tài sản	Vòng	0,94	0,94

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Trong cơ cấu tài sản của công ty, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm dần do trong các năm qua công ty không có khoản đầu tư lớn nào liên quan đến tài sản cố định trong khi đó khấu hao lũy kế tăng làm giảm tài sản dài hạn của công ty. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu là do các khoản phải thu và hàng tồn kho. Tài sản ngắn hạn chiếm 74,67% và tài sản dài hạn chiếm 25,33%.

Tỷ lệ nợ của công ty đang gia tăng là do nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh gia tăng, mặc khác công ty tăng vay dài hạn để đầu tư dự án mới (băng tải lõi thép). Tỷ lệ Nợ/tổng tài sản tăng từ 31,93% lên 38,42%. Đòn bẩy tài chính của công ty tăng từ 1,47 lần lên 1,62 lần.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của công ty được cải thiện khá tốt thông qua sự gia tăng của chỉ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh; lần lượt đạt 2,95 lần và 2,38 lần.

Tỷ suất lợi nhuận

Trong năm qua tỷ suất LNST/doanh thu thuần của công ty được duy trì ở mức 8,48% bằng với mức năm 2011. ROE gia tăng từ 11,30% lên 12,41% do công ty gia tăng đòn bẩy tài chính.

Trong năm qua công ty tiêu thụ sản phẩm tốt giúp cải thiện vòng quay hàng tồn kho của công ty từ 3,6 vòng lên 4,23 vòng trong năm 2012.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Mã chứng khoán: BRC

Tổng số cổ phần: 8.249.998 CP

Số lượng CP tự do chuyển nhượng: 8.249.998 CP

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

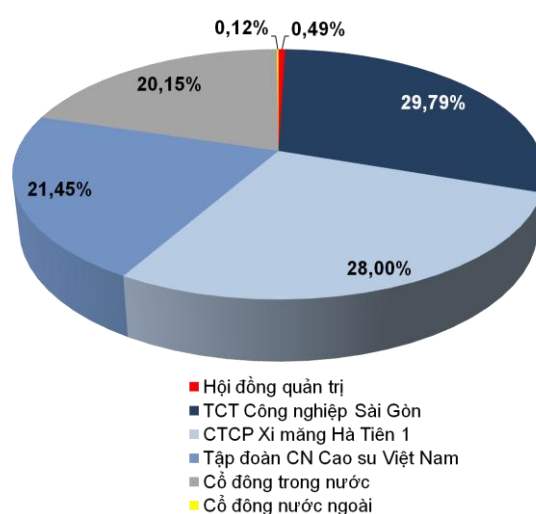
Số lượng CP quỹ: 0 CP

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Cổ đông trong nước	8.239.818	99,88%
– Tổ chức	6.540.648	79,28%
– Cá nhân	1.699.170	20,60%
Cổ đông nước ngoài	10.180	0,12%
– Tổ chức	10.180	0,12%
– Cá nhân	0	0
Tổng cộng	8.249.998	100%

Biến động giá CP BRC



Cơ cấu cổ đông



Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ chốt ngày 31/12/2012

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng công ty CN Sài Gòn	11/121 Lê Đức Thọ P17 Q.GV, Tp.HCM	2.457.578	29,79%
CTCP Xi măng Hà Tiên 1	360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1,Tp.HCM	2.310.000	28,00%
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3 - Tp. HCM	1.769.770	21,45%
Tổng cộng		6.537.348	79,24%

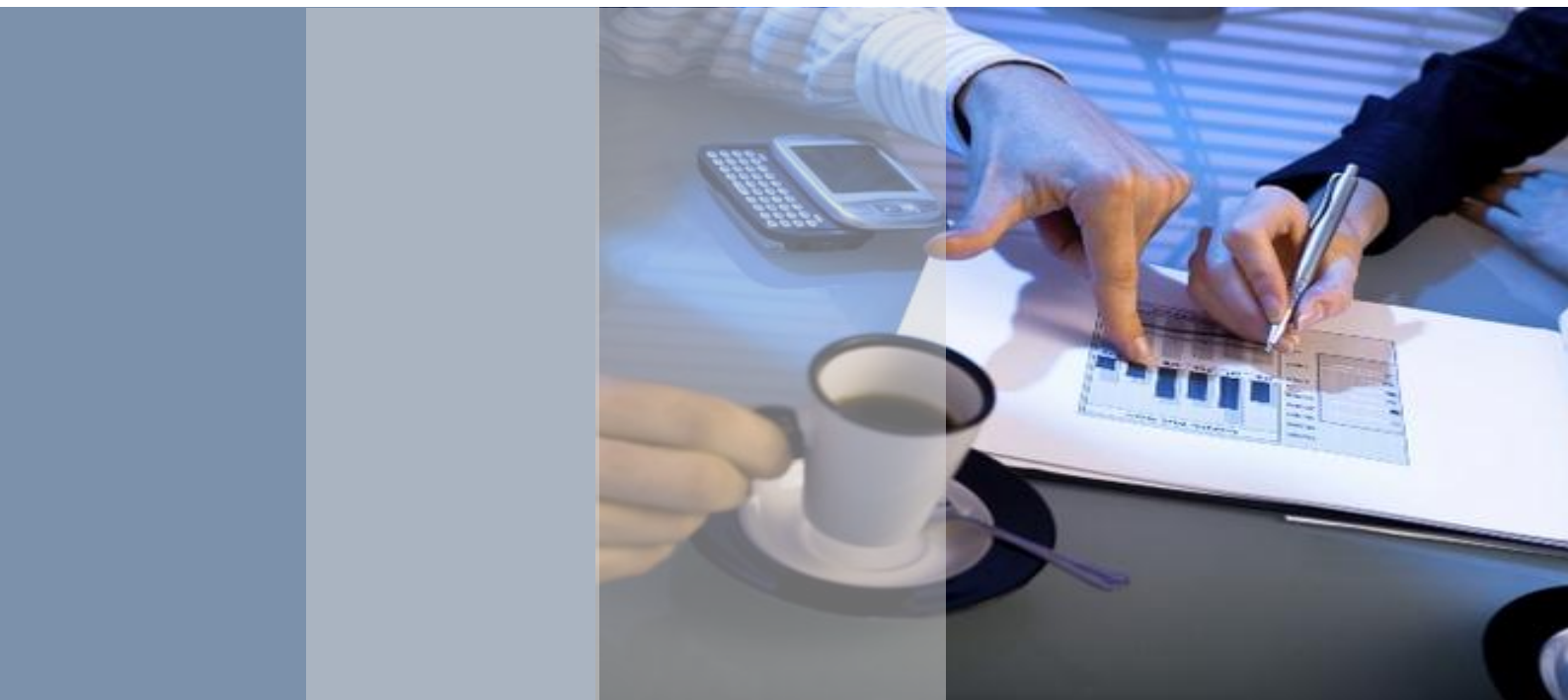
Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) tại ngày 31/12/2012

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND	Số cổ phần		Tỷ lệ %
			Cá nhân	Vốn NN	
Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch HĐQT	020140570	11.000	1.769.730	21,58%
Nguyễn Văn Thanh	Tv.HĐQT kiêm TGD	020134732	873	1.484.940	18,01%
Nguyễn Bán	Tv.HĐQT kiêm Phó TGD	021809713	28.270	972.638	12,13%
Phạm Đình Nhật Cường	Tv.HĐQT	022922626	0	2.310.000	28,00%
Lê Thị Phương Dung	Tv.HĐQT	022945079	0		
Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Phó TGD	260485227	16.698		0,20%
Nguyễn Văn Lương	Trưởng Ban KS	023137123	9.350		0,11%
Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng	025029271	700		0,01%
Tổng cộng			66.891	6.537.308	80,05%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu cũng như không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
 - ❖ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán
-



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH



Đánh giá chung

Năm 2012, tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, diễn biến khó lường. Giá cả các mặt hàng như dầu thô, điện, nước, nguyên vật liệu cơ bản đầu vào của sản xuất tiếp tục xu hướng tăng. Chủ trương của nhà nước hạn chế đầu tư công, siết chặt tín dụng, kinh doanh bất động sản hầu như đóng băng... Một số khách hàng truyền thống như: xi măng, than, ngành cơ khí... giảm sản lượng hoặc thu hẹp sản xuất, đã làm ảnh hưởng lớn đến khả năng tiêu thụ của công ty. Trước tình hình khó khăn chung, để tồn tại công ty đã chọn cho mình hướng đi riêng, tham gia cung ứng sản phẩm cho ngành nông nghiệp và tăng cường xuất khẩu. Công ty tiến hành nghiên cứu thị trường và sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh, tìm ra những điểm yếu của sản phẩm Trung Quốc. Đồng thời thực hiện việc thăm dò ý kiến khách hàng. Việc nghiên cứu nguồn nguyên liệu thay thế, và tìm hiểu kỹ tính năng sử dụng trong từng ngành cụ thể để thiết kế quy cách phù hợp nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tăng cường quan hệ, mở rộng thị trường trong nước, đồng thời định hướng xuất khẩu. Do đó, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng công ty đã phấn đấu đạt được những thành tựu khá nổi bật, mang lại doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo việc làm cho người lao động..

Thông qua quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, công ty cơ bản đã đủ điều kiện và được cơ quan chức năng công nhận là doanh nghiệp hạng 2 năm 2009 và tái công nhận doanh nghiệp hạng 2 năm 2012.



Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	KH	Năm 2012		
				TH	%/KH	%2012/2011
Doanh thu	Tr đồng	166.360	185.000	192.234	103,91	115,55
Lao động	người	135	150	146	97,33	108,15
Lương bình quân	1000 đồng	5.500	6.000	6.550	109,17	119,09
Kim ngạch XNK	1.000 usd	1.983	6.700	3.289	49,01	165,86
Đầu tư XDCB	Tr đồng	512	152.000	28.184	18,54	5504,68
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	16.566	18.000	18.629	103,49	112,45
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	14.108	13.500	16.311	102,82	115,61

Nguyên nhân đạt được thành tích trên

HĐQT và Tổng Giám đốc công ty đã có nhận định phân tích về những khó khăn và thuận lợi trong sản xuất kinh doanh năm 2012. Việc xuất khẩu và phát triển thị trường ra ngoài nước là một định hướng đúng đắn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Với trang thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại, lao động lành nghề, áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, sản phẩm của công ty đã đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng nước ngoài.

Đẩy mạnh hoạt động sản xuất và đầu tư xây dựng các hệ thống thiết bị công nghệ mới, tiên tiến nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng dòng sản phẩm băng tải, để có thể chiếm lĩnh thị trường trong nước, dần thay thế hàng ngoại nhập.

Phát huy phong trào khoa học kỹ thuật. Mạnh dạn giao nhiệm vụ và tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật đầu tư, nghiên cứu các công trình, sang kiến, cải tiến.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Duy trì và phát triển Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong việc quản lý, điều hành. Áp dụng chương trình quản trị tổng thể doanh nghiệp cho tất cả các khâu kế hoạch, bán hàng, vật tư, sản xuất.... nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.



Tổng Giám đốc công ty kết hợp với Công đoàn cơ sở lập “Chương trình và kế hoạch thi đua năm 2012” với các tiêu chí và nội dung thi đua cụ thể, thiết thực trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc – Công đoàn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn và Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2012. Tham gia tích cực phong trào “Vì người thợ” và đợt thi đua “90 ngày hoàn thành trước thời gian và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012” do Công đoàn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn phát động.

Phong trào khoa học và sáng kiến cải tiến kỹ thuật:

Trong năm 2012 công ty đã thực hiện và đưa vào sản xuất có hiệu quả các công trình, sáng kiến sau:

- Nghiên cứu hoàn thiện công thức keo băng tải chịu nhiệt 200°C, kết hợp sử dụng vải NN chịu nhiệt tốt hơn vải EP đồng thời có ứng dụng lớp vải Chaffer trên bề mặt để cải thiện độ chịu mòn và sự dẫn của băng khi sử dụng đã đáp ứng được chất lượng trong giai đoạn hiện tại. Đạt mục tiêu năm 2013 tiếp tục nghiên cứu ứng dụng cao su EPDM cho cao su chịu nhiệt thay Chlorobutyl và giải quyết tiếp hiện tượng dẫn băng do dùng NN

- Hoàn thiện công nghệ sản xuất băng bida Brunswick (Mỹ) chất lượng rất ổn định nên đã tăng số lượng đơn đặt hàng cao hơn gấp đôi so với năm 2011. Với sản lượng 10.000-15.000 thanh bida/ tháng, để đáp ứng kịp thời, công ty đã đầu tư thêm 1 khuôn 9 cavity (khuôn cũ 6 cavity) mở ra hướng xuất khẩu sang các nước Brasil, Indonesia.

- Triển khai ứng dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, làm ra các sản phẩm cao su kỹ thuật joint, phốt, sản phẩm đặc chủng .Thí dụ băng tải Interflour, loại băng tải ống, có chức năng vận hành rất đặc biệt. Sản phẩm này chưa có đơn vị nào trong nước sản xuất được. Qua nghiên cứu, tìm vật liệu vải phù hợp, thiết kế sản phẩm theo đã sản xuất đơn hàng đầu tiên với giá thành chỉ bằng ½ băng nhập ngoại và đem lại hiệu quả lợi nhuận cao gấp 5 lần so với băng tải thông dụng. Tương tự các sản phẩm phao chặn dầu, túi khí kháng U.V... khổ rộng từ 2100mm-3100mm, tuy làm bằng phương pháp thủ công ghép nối do khổ quá lớn so với thiết bị cũng được khách hàng Malaysia chấp nhận đặt tiếp đơn hàng.

- Nghiên cứu thành công các loại keo thử nghiệm cho các loại sản phẩm mới đĩa cao su, phốt chịu nước, phao chứa dầu, túi chứa dầu, băng tải chịu va đập đặc biệt, băng tải chịu nhiệt..... Cải tiến quy trình cán luyện tấm chắn bùn giảm thiểu tác nhân làm ảnh hưởng đến môi trường làm việc.

- Ứng dụng các công năng ưu việt của các thiết bị mới Rotocure. Đây là thiết bị lưu hóa trống thuộc thế hệ mới có công nghệ hoàn toàn khác với thiết bị lưu hóa băng tải hiện có. Bộ phận kỹ thuật tiếp nhận thiết bị Rotocure bước đầu còn nhiều ngỡ ngàng nhưng rồi cũng nắm bắt được để triển khai sản xuất các loại băng tải và tapis.Tuy nhiên cần nghiên cứu thêm các đặc tính đơn pha chế, công nghệ riêng dành cho thiết bị này để nâng cao hiệu quả thiết bị qua 2 đề tài nghiên cứu : khắc phục hiện tượng bong bóng và tăng tốc độ lưu hóa. Bước đầu đã thí nghiệm được tăng được tốc độ lưu hóa từ 0.18m/phút lên 0.5m/phút qua ứng dụng hệ xúc tiến cực nhanh.



- Để tăng năng suất và hạn chế bụi trong quá trình vô xúc tiến, S trong công đoạn cán keo tấm chắn bùn, đã ứng dụng hiệu quả việc dùng block xúc tiến và block S vẫn đáp ứng kịp 6-8 tấn keo/ngày và cải thiện môi trường đáng kể.

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới bằng tải Interflour: Là loại băng tải đặc biệt như dạng ống khi tải liệu và dạng phẳng khi không tải. Do đó cần kết hợp rất nhiều kỹ năng cũng như nghiên cứu độ chính xác cao về cơ cấu các loại vải chịu lực khác nhau, đáp ứng được các tính năng mà khách hàng yêu cầu, thay thế sản phẩm nước ngoài. Giá trị làm lợi khoảng 500 triệu đồng/năm

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới túi chứa dầu và phao chắn dầu theo đơn đặt hàng của Đan Mạch: dùng thu gom dầu loang ngoài biển với kích thước 2100 mm, 3100 mm trong khi các máy móc thiết bị chỉ sản xuất kích cỡ 1400mm. Đáp ứng các tính năng cơ lý. Có nhiều đơn hàng, hoàn toàn thay thế sản phẩm nước ngoài. Giá trị làm lợi khoảng 2.500 USD

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới Phao thủy lực. Chất lượng đạt yêu cầu, có khả năng thay thế sản phẩm nước ngoài. Giá trị làm lợi khoảng 50 triệu đồng/năm

- Nghiên cứu sản xuất máy nối đầu mini cỡ nhỏ: Những cuộn băng tải có chu vi < 3 mét, phải thực hiện nối chồng hay dán nguội thì ngoại quan xấu. Việc nghiên cứu sản xuất máy nối đầu mini loại nhỏ để khắc phục hiện tượng trên. Chất lượng mỗi nối đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Giá trị làm lợi khoảng 50 triệu đồng/năm

- Bọc dây cáp chịu lực bằng cao su. Dùng cao su lõi thép bọc xung quanh sợi cáp (sau khi đó xử lý loại bẩn và tăng khả năng bám dính của cáp) rồi lưu hóa. Đáp ứng được nhu cầu trong sản xuất và tăng tuổi thọ sử dụng sợi cáp lên 5 lần. Giá trị làm lợi khoảng 20 triệu đồng/năm

- Giảm lỗi sản phẩm kết hợp nhiều yếu tố và nhiều phương pháp: chia bề mặt cao su mỏng lại và cán nhiều lần để giảm khuyết tật, tăng áp lực để kéo chảy tốt nhằm ít lỗi khuyết bong bóng và khuyết bề mặt, cán tráng và cán mặt không bị thiếu keo nên lỗi thiếu keo giảm xuống, Giảm được lỗi sản phẩm khi lưu hóa và hoàn thành được mục tiêu giảm lỗi sản phẩm 15% so với năm 2011. Tăng độ thẩm mỹ ngoại quan cũng như chất lượng



Công tác mở rộng thị trường:

Trước tình thế đầy khó khăn và bất trắc của thị trường, do việc thắt chặt tín dụng, thắt chặt đầu tư, đã làm ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế (nhất là ngành xi măng, ngành than... là những khách hàng thường xuyên của công ty). Để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 nhằm đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và chi trả cổ tức cho cổ đông, ngoài việc tăng cường sản xuất, công ty đã kịp thời nắm bắt nhu cầu tiêu thụ của thị trường, từng bước củng cố, hoàn thiện công tác tổ chức quản lý và bán hàng. Công ty tập trung thực hiện một số công việc như sau :

Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt là với các đối tác nước ngoài.

Tăng cường nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới theo đơn đặt hàng của khách hàng trong, ngoài nước, từng bước thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm. Sản phẩm chất lượng cao, giá cả cạnh tranh, hậu mãi tốt đã khẳng định được chỗ đứng của sản phẩm trong lòng khách hàng, tạo được thương hiệu có uy tín trên thị trường, hưởng ứng thiết thực cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Cùng với việc tăng cường công tác hậu mãi với các khách hàng truyền thống, công ty đã đẩy mạnh công tác tiếp thị rộng khắp các tỉnh phía nam, nhất là các công ty nhà máy ngành nông nghiệp, như nhà máy chế biến gạo, công ty cơ khí chuyên lắp đặt hệ thống băng chuyền chế biến gạo.... với phương thức cho sử dụng thử sản phẩm và áp dụng cách nổi đầu bằng tải nóng, đảm bảo chất lượng và thời gian sử dụng lâu dài hơn các sản phẩm băng tải của Trung quốc. Chính sự mạnh dạn chuyển hướng này đã làm tăng doanh số tiêu thụ. Công ty phải tổ chức 3 ca mới kịp tiến độ giao hàng.

Trong năm 2012, thực hiện chiến lược xuất khẩu, công ty đã có quan hệ và phát triển thêm khách hàng nước ngoài, như: Mỹ, Bồ Đào Nha, Campuchia... (sản phẩm băng tải); Ai Cập (dây courroie); Mỹ, Mexico, Brazil (Tấm chắn bùn); Nhật (Tấm lót sàn); Mỹ, Brazil, Indonesia (băng Bida); Đan Mạch (Phao chắn dầu)....



Bồi dưỡng, huấn luyện và đào tạo :

Năm 2012, công ty đã cử 12 người tham dự các khóa học “Quản lý dòng chảy nguyên vật liệu”; lớp “kỹ thuật soạn thảo văn bản và văn thư – lưu trữ”; các lớp tập huấn về Bộ luật Lao động mới, Nghị định, thông tư hướng dẫn; lớp huấn luyện “an toàn, vệ sinh lao động”; lớp “Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn điện, kỹ thuật lò hơi, thiết bị áp lực và thiết bị nâng”; lớp tập huấn về sơ cấp cứu.....

Cử 5 thành viên tham gia Hội thi tìm hiểu về pháp luật an toàn giao thông, đạt giải 2 cấp Tổng công ty. Tổ chức hội thao nội bộ và tham gia hội thao Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể :

Chi bộ công ty cổ phần Cao su Bến Thành 8 năm liền (2004 – 2011) đạt danh hiệu “Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh”; trong đó có 3 năm (2009-2011) đạt “trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” đã được Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh tặng Bằng khen. Tổng số đảng viên có 24 đồng chí, chiếm 16,55 % so với tổng số cán bộ, công nhân viên đơn vị.

Công đoàn cơ sở công ty đã được Liên đoàn Lao động thành phố tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào lao động giỏi lao động sáng tạo. Công đoàn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn tặng giấy khen vì thành tích xuất sắc trong phong trào mùa xuân năm 2012, đồng thời tuyên dương 6 cá nhân tiêu biểu vì có thành tích xuất sắc trong tháng công nhân lần thứ 4 năm 2012 và các công trình, sang kiến kỹ thuật.

Trong năm 2012 Công đoàn phối hợp chính quyền và Đoàn thanh niên phát động phong trào thi đua Lao động giỏi, lao động sáng tạo với mục tiêu ổn định chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, thi hành tiết kiệm, chống lãng phí và giảm phế phẩm, đảm bảo an toàn ,vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.



Có 5 cá nhân được Công đoàn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn tặng giấy khen vì có thành tích tham gia phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” năm 2012, Bằng khen Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi. Bằng khen Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh về thành tích phong trào “Vì người thợ”, vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Phát động và tham gia tích cực phong trào thi đua “ Vì người thợ “ 90 ngày hoàn thành kế hoạch năm”.

Chính quyền và tổ chức Công đoàn đã phối hợp chặt chẽ trong công tác lãnh đạo và điều hành công ty với việc thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật quy định. Định kỳ hàng năm tổ chức tốt hội nghị người lao động, qua đó ký kết xây dựng hoặc bổ sung những điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị và quy định của pháp luật về lao động. Đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình, xung kích trong lao động; đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành pháp luật. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc vận động đoàn viên và người lao động tham gia tích cực các phong trào thi đua lao động với chất lượng cao như : đợt thi đua “tháng công nhân”, “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Năng suất, chất lượng, hiệu quả” và đợt thi đua nước rút 90 ngày cuối năm nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch năm. Chú trọng công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý; đề xuất và thực hiện xét thưởng từng đợt thi đua.

Tổ chức và vận động toàn thể CBCNV tham gia tích cực các hoạt động về “Tuần lễ quốc gia về an toàn – vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ” lần thứ 14 năm 2012. Công ty đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh tặng 2 Bằng khen cho tập thể và 1 Bằng khen cho cá nhân “Về thành tích xuất sắc trong công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trên địa bàn thành phố” năm 2009 và 2010 và Giấy khen của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh năm 2011.

Tích cực chăm lo đời sống cho người lao động. Nâng cao ý thức trách nhiệm, năng động sáng tạo của cán bộ chủ chốt trong công ty, tích lũy được nhiều kinh nghiệm hoạt động trong bối cảnh cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị, PCCC- bảo vệ tài sản.



Tổ chức đo môi trường lao động để có những thông tin chính xác về các chỉ tiêu tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải, ánh sáng... nhằm có những biện pháp khắc phục hiệu quả, tạo ra môi trường lao động an toàn, bảo đảm sức khỏe người lao động.

Phối hợp tổ chức cho 22 người lao động học tập chương trình sơ cấp cứu. Kết quả 100% được cấp chứng chỉ.

Sự đoàn kết nhất trí của Đảng bộ, sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong đó vai trò quyết định của Tổng Giám đốc Công ty với khả năng dự đoán tình hình hữu hiệu, sự quyết đoán trong chủ trương, quy hoạch, sản xuất biện pháp tổ chức, năng lực lãnh đạo tư tưởng và chuyên môn, bản lĩnh điều hành và quản lý.

Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước:

Trong quản lý và điều hành, công ty luôn tuân thủ những quy định của pháp luật (Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng...), Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn có liên quan. Công ty tuân thủ thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát. Trong thực hiện các nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh, công ty luôn chấp hành thực hiện tốt các thủ tục xuất, nhập, vận chuyển hàng hóa và kinh doanh thương mại. Kiểm tra chặt chẽ các chứng từ, hóa đơn xuất, nhập và giao hàng. Tuân thủ những quy định của luật pháp về quản lý tài sản, tiền bạc và nghiệp vụ kế toán. Thường xuyên đối chiếu sổ sách, công nợ và các khoản mục chi phí để cân đối thu chi các quỹ. Hạch toán kế toán rõ ràng theo nghiệp vụ. Xây dựng chuẩn mực về kế toán, tài chính và các thủ tục tạm ứng, quyết toán trên tinh thần công khai, minh bạch.

Đảm bảo nguồn tiền cung ứng, phục vụ sản xuất, kinh doanh, mua vật tư, nguyên liệu và kế hoạch đầu tư của công ty. Nâng cao trách nhiệm trong quản lý đạt hiệu quả cao.

Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 đã xuyên suốt trong quá trình từ mua nguyên liệu, hóa chất, sản xuất và giao hàng đã xây dựng một nền nếp hoạt động có ý thức trách nhiệm và hiệu quả cao.

Trong năm 2012, công ty đã được Công an thành phố Hồ Chí Minh tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong “Phong trào toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc”

Công ty có 2 cá nhân được Liên đoàn Lao động thành phố tuyên dương, vì đã có thành tích phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đạt giá trị cao; 1 cá nhân được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng “Bằng lao động sáng tạo” và 1 đoàn viên thanh niên được tặng Huy hiệu thành phố, Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố và danh hiệu “Công dân trẻ tiêu biểu thành phố” năm 2012.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU (triệu đồng)	NĂM 2012	NĂM 2011	% 2012/2011
Tổng tài sản	225.870	181.825	124,22
Tài sản ngắn hạn	168.667	119.827	140,76
Tiền và tương đương tiền	43.918	37.979	194,63
Phải thu ngắn hạn	87.262	33.802	258,16
Hàng tồn kho	32.212	40.483	79,57
Tài sản dài hạn	57.202	61.998	92,26

Tổng tài sản trong năm 2012 tăng 24,22% so với năm 2011 chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng. Trong đó tiền mặt tăng 94,63%, đạt 43,9 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm qua khoản ứng trước của công ty cho nhà cung cấp tăng mạnh từ 1,3 tỷ đồng lên 55,7 tỷ đồng làm gia tăng các khoản phải thu ngắn hạn của công ty hơn 158,16% so với năm 2011. Tài sản dài hạn giảm hơn 4 tỷ đồng.

CHỈ TIÊU (triệu đồng)	NĂM 2012	NĂM 2011	% 2012/2011
Nợ phải trả	86.769	58.056	149,46
Nợ ngắn hạn	57.251	44.146	129,68
Vay và nợ ngắn hạn	12.670	15.217	83,26
Người mua trả tiền trước	32.200	604	5331,12
Nợ dài hạn	29.519	13.909	212,23
Vay và nợ dài hạn	29.418	13.769	213,65

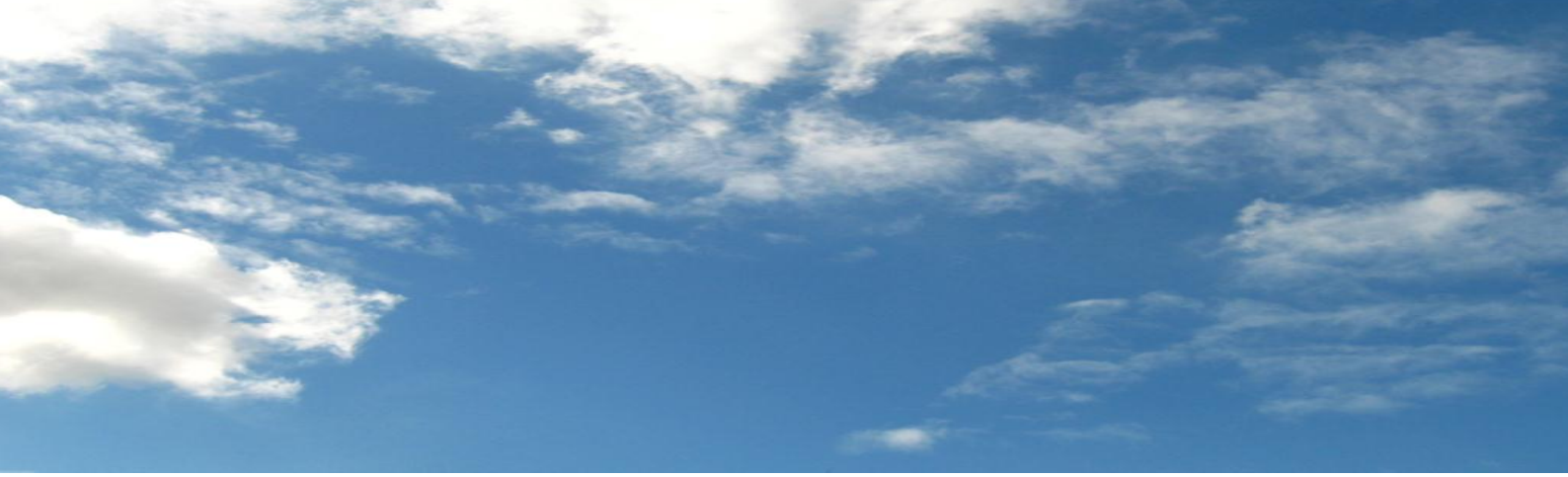
Cùng với việc công ty phải ứng trước tiền cho bên cung cấp tăng cao thì trong năm qua khoản người mua trả tiền trước cho công ty cũng gia tăng từ 604 triệu đồng lên 32,2 tỷ đồng góp phần làm nợ ngắn hạn tăng 29,68% tương ứng đạt 57,25 tỷ đồng trong năm 2012. Ngoài ra công ty cũng đã vay thêm 17,9 tỷ đồng kỳ hạn 7 năm phục vụ cho nhu cầu đầu tư dự án bằng tài trợ thếp mới đã làm cho nợ dài hạn tăng 112,23% so với năm 2011.

NHỮNG CẢI TIẾN VÀ TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐQT-2013 ngày 22/02/2013 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cao su Bến Thành phiên thường kỳ quý 4/2012;

Cơ cấu tổ chức mới của công ty cổ phần bao gồm: (Sơ đồ tổ chức nêu trên)

- 1/ Phòng Nhân sự - Hành chính
- 2/ Phòng Kế toán – Tài chính
- 3/ Phòng Kỹ thuật
- 4/ Phòng Xuất Nhập khẩu
- 5/ Phòng Kinh doanh
- 6/ Xí nghiệp sản xuất.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Công ty đã lên kế hoạch và nỗ lực đầu tư dự án băng tải lõi thép với công suất 90.000 m² /năm với tổng vốn đầu tư 135,36 tỷ đồng.

Thời gian thực hiện dự án khoảng 28 tháng. Đây là dự án mang tính chiến lược phát triển bền vững và dài hạn của công ty. Với nhu cầu băng tải lõi thép hiện nay, băng tải lõi thép cung cấp trong nước được nhập hoàn toàn từ nước ngoài thì việc đầu tư dự án sẽ giúp tạo tăng trưởng cho công ty trong tương lai.

Việc đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép đầu tiên tại Việt Nam trong giai đoạn này là rất hợp lý, đây sẽ là cơ hội chiếm lĩnh thị trường băng tải còn đang bỏ ngõ, thay thế hoàn toàn hàng ngoại nhập và là điểm chặn đối với các nhà sản xuất khác khi có ý định đầu tư do họ không dễ tìm đầu ra cho sản phẩm khi lượng khách hàng ít và đã có nhà cung cấp ổn định.

Đặc biệt dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép có thể sản xuất được băng tải vải, nên sẽ góp phần gia tăng sản lượng băng tải vải. Vì vậy công ty đã quyết định dốc toàn lực vào việc thực hiện đầu tư dự án này nhằm sớm đưa vào hoạt động để tạo thêm sự tăng trưởng bền vững cho công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

**TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

☒ Lô B3-1 KCN Tây Bắc – Củ Chi – TP. HCM

☎ (08) 37.907.619 – Fax: (08) 37.907.461

Số: .../BERUBCO-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2013

V/v: giải trình ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán
năm 2012

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước- CN TP HCM
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2012 của Công ty cổ phần cao su Bến Thành do Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Đất Việt ký ngày 27 tháng 02 năm 2013, Công ty Bến Thành xin giải trình một số ý như sau:

1. Ngày ký báo cáo kiểm toán: Ngày phát hành báo cáo chính thức vào ngày 27 tháng 03 năm 2013, bản chính báo cáo được gửi đến Công ty vào ngày 01 tháng 04 năm 2013. Do sơ ý trong khâu phát hành nên ngày báo cáo kiểm toán bị ghi nhầm là ngày 27 tháng 02 năm 2013.
2. Ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán: “khoản lợi nhuận từ việc góp vốn liên doanh vào nông trường cao su Phước Minh năm 2012 vẫn chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm” tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Bến Thành vẫn chưa có số liệu quyết toán chính thức của nông trường liên doanh, căn cứ theo bảng dự toán lãi lỗ thì năm 2012 khoản lợi nhuận thu được trước thuế từ nông trường là 34.685.867 VND (Ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), nhận thấy đây là khoản thu nhập nhỏ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2012, nên khi chưa có số liệu chính thức Công ty đã không hạch toán và đồng ý để Việtland có ý kiến loại trừ trong báo cáo kiểm toán. Sau khi có số liệu chính thức từ nông trường Công ty sẽ hạch toán vào năm 2013.

Công ty cổ phần cao su Bến Thành giải trình để Quý cơ quan được rõ.

Trân trọng!

**Xác nhận của Công ty TNHH
Kiểm toán Tư vấn Đất Việt**



Võ Thị Thu Hương- Phó Giám đốc



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC.



IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-
- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
 - ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
 - ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị
-



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Khó khăn và thách thức:

Năm 2012, tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, diễn biến khó lường. Giá cả các mặt hàng như dầu thô, điện, nước, nguyên vật liệu cơ bản đầu vào của sản xuất tiếp tục xu hướng tăng. Chủ trương của nhà nước hạn chế đầu tư công, siết chặt tín dụng, kinh doanh bất động sản hầu như đóng băng... Một số khách hàng truyền thống như: xi măng, than, ngành cơ khí... giảm sản lượng hoặc thu hẹp sản xuất, đã làm ảnh hưởng lớn đến khả năng tiêu thụ của công ty.

2. Thuận lợi

- Trước tình hình khó khăn chung, HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành kịp thời chuyển hướng sản phẩm sản xuất sang xuất khẩu và tham gia cung ứng sản phẩm cho ngành nông nghiệp, đồng thời tăng cường quan hệ, mở rộng thị trường trong nước. Do đó, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng công ty đã phấn đấu đạt được những thành tựu khá nổi bật, mang lại doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo việc làm cho người lao động..

- Thông qua quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, công ty cơ bản đã đủ điều kiện và được cơ quan chức năng tiếp tục công nhận là doanh nghiệp hạng 2 năm 2012.

- Thành viên HĐQT được bầu nhiệm kỳ 2 (2012-2017) là những người có năng lực, có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và trách nhiệm cao, luôn có ý thức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2012:

3.1. Định hướng phát triển và chiến lược sản phẩm :

HĐQT công ty thường xuyên chỉ đạo ban điều hành xây dựng các biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác tiếp thị, quan hệ với các đối tác, khách hàng nước ngoài theo định hướng xuất khẩu các sản phẩm, nhất là sản phẩm chủ lực băng tải, cao su kỹ thuật, nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ, doanh số và lợi nhuận. Mặt khác, tiếp tục duy trì và phát triển thị trường trong nước; sản xuất, gia công các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững và khắc phục tình hình thị trường trong nước đang gặp khó khăn.

Do đó, trong chỉ đạo, HĐQT đã tập trung vào công tác sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm với các dự án đầu tư có trọng điểm nhằm phát huy thế mạnh của công ty về chiến lược sản phẩm và công nghệ sản xuất.



3.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trước những khó khăn và thách thức của nền kinh tế, Hội đồng quản trị vẫn kiên định thực hiện những chủ trương, kế hoạch lớn đã đề ra, đồng thời giám sát chặt chẽ và chỉ đạo ban điều hành thực hiện. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian qua đã đạt được kết quả khả quan.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành công ty tiến hành rà soát tổng thể các chi phí sản xuất, chủng loại sản phẩm, đề ra các giải pháp thực hành tiết kiệm, nhằm hạ giá thành, tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ.

Tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- + Tuân thủ Điều lệ mới về tổ chức và hoạt động công ty ban hành tại Đại hội cổ đông thường niên.

- + Thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 về kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận, cổ tức; kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch lợi nhuận năm tài chính 2012; chọn đơn vị kiểm toán; bổ sung Điều lệ hoạt động và các công việc khác.

3.4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ công ty hiện nay là 82.499.980.000 đồng (từ cổ phiếu thưởng) tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 4, ngày 15/05/2010.

3.5. Công tác quản lý tài chính, nguồn vốn:

- Hội đồng quản trị đã có chỉ đạo sát sao công tác tạo nguồn vốn, nguồn tín dụng, tăng cường các mối quan hệ hợp tác với các ngân hàng, tổ chức tín dụng nhằm có được nguồn vốn lưu động đầy đủ cho hoạt động SXKD và nguồn vốn kịp thời cho đầu tư xây dựng cơ bản.



- Công tác hạch toán và báo cáo tài chính: Số liệu phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của công ty luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý; các kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn được rà soát thường xuyên. Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp và chế độ kế toán của Nhà nước hiện hành.

- Chỉ đạo ban điều hành công ty áp dụng nhiều biện pháp thu hồi công nợ, nhưng thực sự chưa mang lại hiệu quả đáng kể. Từ đó làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- HĐQT chấp thuận cho cổ đông lớn là tổ chức doanh nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được quyền mua trên 25% số cổ phần của công ty cổ phần Cao su Bến Thành theo hình thức mua thỏa thuận hoặc mua khộp lệnh trên sàn chứng khoán.

3.6. Công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ:

Để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, làm vốn đối ứng để thực hiện Dự án “Đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất bằng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép”, với tỷ lệ phát hành 2:1, khối lượng cổ phiếu phát hành là 4.124.999 cổ phần. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành là 41.249.990.000 đồng, với mức giá công bố là 10.800 đồng/ cổ phiếu. Hội đồng quản trị đã ban hành :

- Nghị quyết số 65/2012/NQ-HĐQT ngày 01/11/2012 về việc xác định giá phát hành, thời điểm phát hành, đối tượng phát hành trong trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết cổ phiếu và cổ phiếu lẻ phát sinh.

- Nghị quyết số 66/2012/NQ-HĐQT ngày 27/11/2012 về xác định giá phát hành và thời điểm phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



3.7. Công tác quản lý đầu tư:

Trong năm 2012, HĐQT Công ty đã chỉ đạo các hoạt động đầu tư, tạo điều kiện cho ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hướng tới các giá trị bền vững về công nghệ, thiết bị và sản phẩm. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và ban hành các văn bản về đầu tư xây dựng cơ bản như sau :

+ Đầu tư thiết bị và xây dựng :

- Quyết định số 119/QĐ-HĐQT ngày 31/08/2012 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép, theo Tờ trình số 115/TTr-BT ngày 29/08/2012 của Tổng Giám đốc, trên cơ sở “Phương án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép” tham gia chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và chấp thuận theo Quyết định số 47/QĐ.ĐT ngày 06/12/2010.

Chỉ đạo ban điều hành phải thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án, để thực hiện việc quản lý đầu tư dự án, tiến hành tổ chức đấu thầu theo đúng quy định hiện hành.

- Cử cán bộ chuyên ngành đầu tư XDCB hỗ trợ ban điều hành công ty trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư.

- HĐQT chấp thuận chủ trương đầu tư các thiết bị và các hạng mục cần thiết phục vụ sản xuất, kinh doanh của công ty, nhưng yêu cầu ban điều hành phải có đầy đủ các thủ tục đầu tư, báo cáo đầu tư theo quy định.

Qua kiểm tra và giám sát thực tế, HĐQT nhận thấy Tổng giám đốc công ty đã thực hiện tốt chỉ đạo của HĐQT khi đề xuất chủ trương đầu tư. Công tác đầu tư tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành. Đầu tư có trọng tâm nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường trong, ngoài nước. Tuy nhiên, do nhu cầu cấp bách về sản xuất, nên có hạng mục thiết bị công ty đã đầu tư nhưng chưa có quyết định đầu tư của HĐQT.



+ Đầu tư tài chính :

- Quyết định số 59/QĐ-HĐQT-ĐT ngày 12/07/2012 về phê duyệt phương án đầu tư nhà máy sản xuất chỉ sợi cao su. Chỉ đạo thực hiện góp vốn 6 tỷ đồng tương ứng 10% vốn Điều lệ thành lập công ty cổ phần chỉ sợi cao su, theo Nghị quyết của HĐQT ngày 07/06/2011.

- Quyết định số 60/QĐ-HĐQT ngày 20/07/2012 về việc cử ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ là Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Cao su Bến Thành, là người đại diện phần vốn của công ty cổ phần Cao su Bến Thành tại công ty cổ phần chỉ sợi cao su.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành :

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

HĐQT nhận thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao. Do đó, công ty đã đạt được hiệu quả tốt về sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận và các mặt công tác khác.

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc phát huy hiệu quả, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động của công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp hiện hành, Điều lệ công ty, các quy chế quản lý nội bộ nhằm nâng cao năng lực quản lý trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng nhanh, bền vững và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2013, tình hình kinh tế của đất nước còn nhiều khó khăn, phức tạp, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, với quyết tâm cao, HĐQT đề ra chỉ tiêu tăng trưởng, định hướng phát triển công ty theo hướng ổn định bền vững, vừa đẩy mạnh sản xuất để tăng doanh thu, lợi nhuận vừa tiếp tục đầu tư để tăng trưởng, chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng thị trường nước ngoài.

- Thường xuyên bám sát tình hình hoạt động của công ty để có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời và chủ trương cụ thể trong định hướng quản trị công ty.

- Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, công bố thông tin kịp thời đến cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

- Thực hiện công tác quản lý, giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT. Chỉ đạo, phối hợp với ban điều hành đề ra các biện pháp tích cực nhằm vượt qua các khó khăn, thách thức về đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục chỉ đạo cải tiến nâng cao chất lượng quản lý – điều hành. Hoàn thiện các quy chế, quy định; hoàn thiện cơ cấu tái tổ chức công ty trên cơ sở tạo quyền chủ động hoạt động của các phòng nghiệp vụ và xí nghiệp sản xuất

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2013

Tổng sản lượng	:	115,500	tỷ đồng
Tổng doanh thu	:	228,000	tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	:	14,000	tỷ đồng
Nộp Ngân sách	:	23,00	tỷ đồng
Đầu tư phát triển	:	100,000	tỷ đồng
Cổ tức	:	7%	





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

-
- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
 - ❖ Các hoạt động liên quan (xã hội, cộng đồng,...)
 - ❖ Quan hệ cổ đông
-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên	Số lượng chức danh HĐQT tại công ty khác
01	Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch HĐQT	Thành viên độc lập	3
02	Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành	0
03	Nguyễn Bán	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành	0
04	Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên HĐQT	Thành viên độc lập	1
05	Lê Thị Phương Dung	Ủy viên HĐQT	Thành viên độc lập	0

Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Thời gian	Tóm tắt nội dung và kết quả
10/04/2012	Phiên thường kỳ quý 1/2012: - Thực hiện kế hoạch SX-KD, đầu tư XD CB quý 1 năm 2012. - Dự án bằng tài đầu tư lãi thép : dự án lớn sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi theo chương trình kích cầu của thành phố. Do đơn vị không có bộ phận chuyên môn quản lý đầu tư, vì vậy Ban điều hành cần thiết phải thuê một đơn vị tư vấn quản lý dự án để thực hiện việc quản lý đầu tư dự án theo đúng quy định hiện hành. Ban điều hành tiến hành đàm phán với một số ngân hàng về việc thu xếp vay vốn thực hiện dự án đầu tư, trong đó thế chấp bằng tài sản hình thành từ chính dự án. - Thống nhất cơ bản nội dung các tờ trình chuẩn bị đưa ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 - HĐQT chấp thuận chủ trương cho cổ đông lớn là tổ chức doanh nghiệp Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam được quyền mua trên 25% số cổ phần của công ty, theo hình thức mua khớp lệnh trên sàn hoặc mua thỏa thuận và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua. - Các công việc cần thiết chuẩn bị ĐH đồng cổ đông thường niên năm 2012
12/07/2012	Quyết định phê duyệt phương án đầu tư nhà máy sản xuất chỉ sợi cao su
20/07/2012	Quyết định cử ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ, P. TGD công ty cổ phần Cao su Bến Thành, làm người đại diện phần vốn của công ty CP Cao su Bến Thành tại công ty cổ phần Chỉ sợi Cao su
31/07/2012	Phiên thường kỳ quý 2/2012 - Đánh giá kết quả thực hiện SX-KD 6 tháng đầu năm 2012. Ban

	điều hành trình các giải pháp thực hiện kế hoạch SX-KD 6 tháng cuối năm 2012, trong đó chú trọng công tác xuất khẩu sản phẩm chủ lực bằng tải. - Xây dựng các biện pháp hạ giá thành, tăng sản lượng tiêu thụ. - Xây dựng tiến trình thực hiện dự án đầu tư “băng tải lõi thép”, lưu ý vấn đề thời gian theo quy định. - Tăng vốn Điều lệ : Ban điều hành lập lộ trình cụ thể trình HĐQT : Chọn thời điểm, xác định giá, sử dụng nguồn vốn, vốn đối ứng.
30/08/2012	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép
29/10/2012	Phiên thường kỳ quý 3/2012 - Thống nhất thông qua tình hình thực hiện kế hoạch SX-KD, báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2012. - Đề nghị ban điều hành công ty cần rà soát, đánh giá các chi phí, các chủng loại sản phẩm để điều hành sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả. - HĐQT đề nghị ban kiểm soát có buổi làm việc với ban điều hành công ty về kết quả sản xuất kinh doanh và các khoản mục chi phí, tạm ứng. - HĐQT thống nhất việc phát hành 4.124.999 cổ phiếu ra công chúng (cho cổ đông hiện hữu), với tỷ lệ 2:1 (tương ứng tổng giá trị cổ phiếu phát hành là 41.249.990.000 đồng) theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2012, với mức giá dự kiến công bố là 11.000 đồng/cổ phiếu. - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu phát hành quyền mua cổ phiếu, cùng lúc với quyền trả cổ tức 10% năm 2012. - HĐQT thống nhất ký kết hợp đồng thuê ông Nguyễn Văn Thanh làm Tổng Giám đốc điều hành công ty, với mức lương tương đương đang hưởng hiện nay. Thời gian hợp đồng từ 01/09/2012 đến ngày 31/12/2013.
01/11/2012	- Thông qua giá chào bán cho đối tượng khác, trong trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết cổ phiếu và cổ phiếu lẻ phát sinh, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. - Thời điểm phát hành cổ phiếu cho đối tượng khác được thực hiện ngay khi có kết quả chào bán. - Đối tượng được mua là cổ đông hiện hữu, ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên công ty, các đối tác, khách hàng hiện tại, tiềm năng của công ty, các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.
27/11/2012	- Thông qua giá chào bán 4.124.999 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.800 đồng/cổ phiếu. - Thời điểm phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ quý IV năm 2012 đến quý II năm 2013. - Thông qua Hồ sơ đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng nộp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Phiên thường kỳ quý 4/2012:

- Nhất trí kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2012.

- Về định hướng sản xuất: công ty tiếp tục tăng cường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực như băng tải, cao su kỹ thuật; duy trì, ổn định các thị trường đã nổi kết hiện nay; tập trung, mở rộng các mối liên kết với các khách hàng mới.

- Yêu cầu ban điều hành cần tiến hành rà soát, đánh giá các khoản mục chi phí, các chủng loại sản phẩm, để điều hành sản xuất, kinh doanh ngày càng hiệu quả hơn.

- Công ty xem xét cách chi trả tiền lương của nông trường cao su liên kết, vì có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận chung của công ty.

22/02/2013

- Yêu cầu công ty nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh Quy chế chi hoa hồng.

- Ban điều hành khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ thực hiện dự án đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải lõi thép, theo đúng quy định hiện hành.

- Chấp thuận chủ trương đầu tư các hạng mục thiết bị cần thiết phục vụ sản xuất, nhưng phải đảm bảo có đầy đủ các thủ tục cần thiết, trình HĐQT phê duyệt thực hiện.

- Công ty thực hiện quyết toán tiền lương năm 2012

- Thống nhất việc cơ cấu lại tổ chức công ty cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Tổng Giám đốc cần hoàn chỉnh các tờ trình và phương án tổ chức cụ thể, trình HĐQT xem xét quyết định.

1. Đánh giá khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT :

Trong công tác quản lý nói chung, HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được, quản lý các mặt hoạt động theo đúng thẩm quyền của Luật và Điều lệ công ty quy định. Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, bám sát thực tế để tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, định hướng các dự án đầu tư, định hướng sản phẩm và thị trường, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận.

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, HĐQT đã nhận định :

- *Hoạt động của HĐQT thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo các quy định của pháp luật, Quy chế HĐQT, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; bảo toàn được nguồn vốn.*

- *Thực hiện chế độ công bố thông tin khách quan, chính xác trung thực và kịp thời đến các cổ đông và cơ quan quản lý có liên quan.*

- *Chỉ đạo sâu sát, có trọng tâm, giải quyết dứt điểm từng công việc, hỗ trợ điều hành có hiệu quả, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.*

2. Công tác tổ chức :

- Ban hành Quyết định số 53/QĐ-XH ngày 22/03/2012 tiếp tục định hạng công ty là doanh nghiệp hạng 2 và đã được Sở Lao động – Thương binh Xã hội thành phố thẩm định công nhận, làm cơ sở ra Quyết định xếp lương, nâng bậc lương đối với Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty và chuyên viên chính đối với cán bộ theo hạng được xếp.

- Thường xuyên tổ chức các phiên họp HĐQT mở rộng đến ban điều hành công ty và các giám đốc nghiệp vụ để thảo luận, phân tích, đánh giá hoạt động của công ty nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với tình hình mới.

- HĐQT thống nhất việc cơ cấu lại tổ chức công ty thành các phòng nghiệp vụ theo chức năng và quyền hạn; tách bạch rõ ràng chức năng sản xuất và kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của công ty.

- HĐQT yêu cầu ban điều hành có ý kiến về vấn đề chi trả tiền lương của nông trường cao su liên kết, ví có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận chung của công ty.

- Yêu cầu ban điều hành nghiên cứu bổ sung điều chỉnh Quy chế chi hoa hồng cho phù hợp với tình hình mới, theo hướng phát huy các mối quan hệ sản xuất, kinh doanh với khách hàng nhưng vẫn bảo đảm được doanh thu và lợi nhuận của công ty.

3. Công tác tổ chức HĐQT:

HĐQT hiện nay gồm có 5 thành viên trong đó có 4 thành viên không chuyên trách và 5 thành viên chuyên trách (04 thành viên là các thành viên độc lập, chiếm trên 40% trong cơ cấu HĐQT Công ty, 05 thành viên còn lại đều trực tiếp trong Ban điều hành Công ty).

Tất cả 05 thành viên đều có trình độ Đại học và trên Đại học.

Cơ cấu HĐQT hiện nay là phù hợp và thuận tiện cho việc điều hành Công ty.

Mức thù lao của HĐQT & BKS năm 2012.

Chức danh	Mức thù lao
Chủ tịch HĐQT	5.000.000 đồng/tháng
Ủy viên HĐQT	4.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban Kiểm Soát	4.000.000 đồng/tháng
Ủy viên Ban Kiểm Soát	2.500.000 đồng/tháng
Thư ký HĐQT	2.500.000 đồng/tháng

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : Thường xuyên tham gia đóng góp các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành và cung cấp thông tin thị trường cho Ban TGD công ty biết và đối chiếu.

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT : Các tiểu ban trong HĐQT chưa có hoạt động một cách cụ thể mà chỉ hoạt động kết hợp trong công tác nghiệp vụ.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần CP BRC xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban trong năm 2012 như sau:

Ban kiểm soát nhiệm kỳII (2012-2017) đã được ĐHĐCĐ bầu chọn gồm 3 thành viên:

Ong Nguyễn Văn Lương: Trưởng ban

Bà Trương Thị Thu Hương: Thành viên

Bà Trần Thị Mỹ Hạnh: Thành viên

Mục tiêu, phạm vi kiểm soát trọng yếu:

- Kiểm soát chiến lược
- Kiểm soát hoạt động
- Kiểm soát tài chính

Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Phương pháp kiểm soát

Trong năm 2012, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các nội quy, quy chế quản lý của Cty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Berubco và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành (“BDH”) trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại đại hội tháng 05 năm 2012.
- Xem xét, thẩm định tính trung thực, hợp lý của các báo cáo tài chính quý, năm.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Cty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

2. Kết quả kiểm soát

BKS trân trọng báo cáo tới ĐHĐCĐ kết quả hoạt động kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

a. Kiểm soát kế hoạch đầu tư phát triển trung và dài hạn

- Chiến lược phát triển của Berubco được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển kinh tế-xã hội.
- Các kế hoạch thực hiện cho từng nội dung chiến lược được hoạch định dựa trên những quan sát dự báo thị trường sát thực.
- Lãnh đạo Berubco nhận định sản phẩm chủ lực của Berubco là băng tải và luôn tìm giải pháp để phát triển Berubco trở thành Nhà sản xuất băng tải số 1 Việt Nam.
- Kế hoạch đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất băng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép năm 2012 là một trong những giải pháp đã được ĐHĐCĐ thông qua tháng 05/2012. Công ty đã triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư ngay sau khi được Đại hội cổ đông

thông qua. Tới 31/12/2012, tổng số tiền đã giải ngân cho dự án là 28.696 triệu đồng (chủ yếu là tiền ứng nhập khẩu thiết bị của dự án).

- Kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1(cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách sở hữu một cổ phiếu có một quyền mua, 02 quyền mua sẽ được mua một cổ phiếu mới). Dự kiến sau khi phát hành, vốn điều lệ của công ty sẽ tăng từ 82.499.980.000 đồng lên 123.749.970.000 đồng. Nguồn vốn điều lệ phát hành thêm sẽ được đầu tư xây dựng nhà xưởng dây chuyền băng tải lõi thép. Công ty đã làm hoàn chỉnh hồ sơ tăng vốn, hiện đang chờ sự phê duyệt của UBCK nhà nước.

b. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh

- Mọi hoạt động SXKD của Berubco đều tuân thủ Luật doanh nghiệp, Pháp luật Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Quy trình sản xuất sản phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt qua từng công đoạn bởi bộ phận kiểm soát quá trình. Vì vậy chất lượng sản phẩm luôn ổn định và giảm tổn hao phí trong quá trình sản xuất.

- Hệ thống máy móc thiết bị hầu như đều được sử dụng với công suất cao.

- Hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đều vượt so với kế hoạch. (Trừ sản phẩm dây courroie chỉ đạt 74% so với kế hoạch).

- Doanh thu bán hàng và thu nhập khác đạt 198.813 triệu đồng, vượt kế hoạch 7%. Trong đó: Doanh thu từ SXKD chính đạt 191.885 triệu đồng, vượt kế hoạch 7%.

- Lợi nhuận chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong đó:

* Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm	: 76,75%
* Lợi nhuận từ hoạt động tài chính chiếm	: 13,65%
* Lợi nhuận từ hoạt động khác chiếm	: 9,60%

- Tỷ trọng lợi nhuận đã có sự chuyển dịch đáng kể qua các năm từ lĩnh vực hoạt động tài chính sang lĩnh vực hoạt động SXKD. Điều đó cho thấy hoạt động cốt yếu của Cty là SXKD đã dần mang lại hiệu quả thiết thực.

- Hoạt động xuất khẩu trong năm tăng trưởng mạnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt 1,672 triệu USD, vượt 139% so với kế hoạch và tăng 147% so với năm 2011. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là Tấm chắn bùn và Băng Bida. Tuy nhiên sản phẩm băng tải của Berubco vẫn chưa thể tiếp cận được thị trường ngoài nước.

c. Kiểm soát tài chính

- Theo báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán và các tài liệu khác liên quan. Ban kiểm soát cho rằng tình hình tài chính của Berubco ở trạng thái lành mạnh.

- Các chỉ số về khả năng thanh toán, tính thanh khoản luôn đảm bảo ở mức cao, cụ thể như sau:

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:

Tổng giá trị tài sản/ Nợ phải trả = 2,60

+ Hệ số khả năng thanh toán hiện thời:

Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn = 2,94

+ Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu = 0,62

- Hiện tại nguồn vốn lưu động của Berubco chưa sử dụng hết, công ty đang gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại để tăng thêm thu nhập. Nhưng khi đầu tư dây chuyền băng tải lõi thép, nguồn vốn lưu động sẽ bị thu hẹp, trong khi đó nhu cầu vốn lưu động tăng lên. Vì vậy Berubco cần có giải pháp phù hợp để sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nhất nguồn vốn lưu động.
- Hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán tại công ty ghi chép mạch lạc, rõ ràng
- Vốn Nhà nước tham gia tại Berubco còn thiếu 2.162.117.778 đồng (do khoản lỗ trước khi CPH vẫn chưa được xử lý).

3. Kiến nghị:

- Công ty cần tích cực làm việc với Tổng công ty công nghiệp Sài Gòn và các cấp chính quyền để xử lý dứt điểm phần vốn nhà nước còn thiếu.
- Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng hết công suất các máy móc, thiết bị đã đầu tư cho xưởng cao su kỹ thuật (đặc biệt là hệ thống máy ép đế giày) để tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác marketing cho sản phẩm băng tải cũng như các dịch vụ đi kèm tại thị trường miền Bắc và miền Trung.
- Hoạch định chiến lược để đưa sản phẩm băng tải của Berubco thâm nhập thị trường ngoài nước.
- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả hơn nguồn vốn lưu động. Xây dựng chính sách bán hàng cần chú trọng nhiều hơn đến khả năng thu hồi nợ.
- Tích cực thu hồi công nợ bán hàng để tăng nhanh vòng quay vốn lưu động.
- Cần có kế hoạch mua nguyên liệu dự trữ phục vụ sản xuất hợp lý để tránh bị đọng vốn.
- Đặc biệt quan tâm hơn nữa đến việc tạo dựng thương hiệu, nhằm tạo sức cạnh tranh trên thị trường. Từ đó mở rộng thị phần để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị		
	Huỳnh Trung Trực	-	60.000.000
	Nguyễn Văn Thanh	-	48.000.000
	Nguyễn Bán	-	48.000.000
	Phạm Đình Nhật Cường	-	48.000.000
	Lê Thị Phương Dung	-	48.000.000
2	Ban kiểm soát		
	Nguyễn Văn Lương	-	48.000.000
	Trương Thị Thu Hương	-	30.000.000
	Trần Thị Mỹ Hạnh	-	30.000.000
3	Ban điều hành		
	Nguyễn Văn Thanh	426.000.000	
	Nguyễn Bán	367.000.000	
	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	356.000.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2012).

Tên cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán, Cho Tặng)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Trần Thị Út	Em ruột của Tv.Ban KS	6.000	Bán	6.000	0	20/02-22/03/2012
Nguyễn Thanh Phương	Con ruột của Tổng	70.000	Mua	1.020	71.020	16-26/01/2012

Giám đốc						
Lưu Bảo Linh	Anh ruột Kế toán trưởng	1.980	Bán	1.980	0	14/05-08/06/2012
Nguyễn Văn Lương	Trưởng Ban KS	18.700	Bán	9.350	9.350	24/09-23/10/2012
Lương Hồ Ngọc Thanh	Chồng của Kế toán trưởng	18.000	Bán	18.000	0	10/10-03/12/2012
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ đông chiến lược	792.000	Mua	977.730	1.769.730	10/04-17/12/2012

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong công tác quản lý nói chung, HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được, quản lý các mặt hoạt động theo đúng thẩm quyền của Luật và Điều lệ công ty quy định. Hoạt động quản trị của công ty trong năm qua được đánh giá là tốt về mặt tổ chức cũng như việc hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

Thường xuyên tham gia đóng góp các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành và cung cấp thông tin thị trường cho Ban TGD công ty biết và đối chiếu.

Thường xuyên tổ chức các phiên họp HĐQT mở rộng đến ban điều hành công ty và các giám đốc nghiệp vụ để thảo luận, phân tích, đánh giá hoạt động của công ty nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với tình hình mới.



CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN

Nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc đền ơn đáp nghĩa, chia sẻ khó khăn với người nghèo khó. Tổng Giám đốc và Ban chấp hành Công đoàn công ty đã phát động và vận động người lao động tham gia tích cực công tác xã hội. Cụ thể như sau :

- Hỗ trợ xây dựng 3 căn nhà tình thương cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn, trị giá 60 triệu đồng.
- Tổ chức thăm hỏi 2 gia đình chính sách tại xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi 2 triệu đồng và 7 gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn 7 triệu đồng.
- Hỗ trợ tiền tàu xe cho công nhân ở tỉnh xa về quê ăn Tết là 15,2 triệu đồng và 3 triệu đồng hỗ trợ công nhân không về quê.
- Hỗ trợ Công đoàn tổ chức ngày quốc tế Phụ nữ 12 triệu đồng.
- Tuyên truyền vận động đóng góp quỹ "Vì trường Sa thân yêu" 12,2 triệu đồng.
- Đóng góp quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh 5 triệu đồng. Trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh và khen thưởng học sinh giỏi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 20 triệu đồng
- Chi động viên cán bộ công nhân viên tham gia quân đội, nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 4,2 triệu đồng.
- Trích nộp đầy đủ và đúng thời hạn về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.
- Tổ chức nghỉ mát cho người lao động tại Phan Thiết
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và khám bệnh nghề nghiệp cho các lao động làm những công việc có yếu tố độc hại. Tổng số tiền 110 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân của người lao động là 6 triệu đồng, tăng 9% so với năm 2011.

Quan hệ cổ đông

Thiết nghĩ hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa BRC và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Việc kết nối hệ thống Ezsearch với sự hỗ trợ của CTCP Chứng khoán FPT đã tạo ra một cổng thông tin đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu và phân tích của các nhà đầu tư quan tâm đến BRC.

<http://www.berubco.com.vn/share-holder.html>

BRC luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

	tRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành tiền thân là Công ty Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành theo Quyết định số 4800/QĐ –UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006483 ngày 20 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 12 năm 2007 thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 03 năm 2009 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000.000 VND lên 75.000.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 08 năm 2010 tăng vốn điều lệ từ 75.000.000.000 VND lên 82.499.980.000 VND

- **Vốn điều lệ** : 82.499.980.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su VN	1.270.240	12.702.400.000	15,40
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	2.457.578	24.575.780.000	29,79
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	2.310.000	23.100.000.000	28,00
Đặng Thanh Dũng	109.670	1.096.700.000	1,33
Lương Thị Thùy Liên	99.830	998.300.000	1,21
Nguyễn Thanh Phương	71.020	710.200.000	0,86
Các cổ đông khác	1.931.660	19.316.600.000	23,41
Cộng	8.249.998	82.499.980.000	100,00

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3 790 7619

Fax : (84-08) 3 790 7461

Mã số thuế : **0 3 0 1 1 5 0 2 9 5**

• **Ngành, nghề kinh doanh**

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lưu hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bán	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 34).

SỰ KIỆN SAU NGÀY SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013

Số: _/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH****CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành được lập ngày 31 tháng 01 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ khoản lợi nhuận từ việc góp vốn liên doanh vào Nông Trường Cao Su Phước Minh năm 2012 vẫn chưa được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013

**VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV
VÕ THỊ THU HƯƠNG - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.667.052.211	119.826.781.931
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.918.239.957	37.978.863.377
1. Tiền	111		5.942.822.378	10.361.438.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.975.417.579	27.617.425.039
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.190.126.264	3.668.041.667
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.190.126.264	3.668.041.667
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.261.806.710	33.802.467.085
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	29.158.499.148	25.140.972.922
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	55.751.949.148	1.324.069.550
3. Các khoản phải thu khác	133	V.5	3.019.265.664	9.113.231.874
4. Dự phòng phải thu khó đòi	134	V.6	(667.907.250)	(1.775.807.261)
IV. Hàng tồn kho	140		32.212.994.909	40.483.772.666
Hàng tồn kho	141	V.7	32.212.994.909	40.483.772.666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.083.884.371	3.893.637.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	12.797.149	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		91.977.802	586.167.200
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	979.109.420	3.307.469.936
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.202.725.300	61.998.256.232
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.205.374.505	48.521.058.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	43.090.474.505	48.519.951.726
Nguyên giá	222		102.018.852.680	99.574.352.687

	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58.928.378.175)	(51.054.400.961)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	1.106.330
	<i>Nguyên giá</i>	228		11.219.048	11.219.048
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.219.048)	(10.112.718)
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	114.900.000	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.860.246.666	8.660.246.666
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	1.460.246.666	260.246.666
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	8.400.000.000	8.400.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		4.137.104.129	4.816.951.510
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	3.956.182.080	4.395.746.461
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
2.	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	180.922.049	421.205.049
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		225.869.777.511	181.825.038.163

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		86.769.739.153	58.056.091.910
I. Nợ ngắn hạn	310		57.250.983.420	44.146.492.830
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	12.670.264.957	15.217.444.187
2. Phải trả người bán	312	V.18	2.886.737.857	8.789.826.210
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	32.200.485.388	604.099.205
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	4.435.483.358	2.707.312.127
5. Phải trả người lao động	315		780.513.506	744.354.109
6. Chi phí phải trả	316	V.21	-	2.341.358.871
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	2.918.967.802	11.694.925.441
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.23	1.152.901.113	1.934.528.758
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	205.629.439	112.643.922
II. Nợ dài hạn	330		29.518.755.733	13.909.599.080
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	100.000.000	140.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	29.418.755.733	13.769.599.080
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.100.038.358	123.768.946.253
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	139.100.038.358	123.768.946.253
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.499.980.000	82.499.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.140.020.000	23.140.020.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.856.617.832	8.939.655.402
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.682.722.908	2.440.722.908
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.920.697.618	6.748.567.943
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		225.869.777.511	81.825.038.163

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý			
1. lý		2.719.071.173	1.510.999.132
2. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		19.533,90	1.330,05

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013

 NGUYỄN VĂN THANH
Giám đốc

LƯU THỊ TỎ NHƯ
Kế toán trưởng

 HUỖNH NGỌC SƠN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 201
(Có so sánh số liệu năm 2011)

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		192.324.353.673	166.360.772.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		439.683.083	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	191.884.670.590	166.360.772.014
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	153.825.215.506	128.521.150.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.059.455.084	37.839.621.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.125.083.803	7.898.521.547
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.581.777.504	4.063.013.704
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.373.422.442	823.365.031
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	15.443.674.085	17.153.677.470
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.319.960.749	7.952.844.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.839.126.549	16.568.607.927
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.802.773.509	14.596.911
12. Chi phí khác	32	VI.8	13.364.219	17.512.113
13. Lợi nhuận khác	40		1.789.409.290	(2.915.202)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.628.535.839	16.565.692.725
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.317.443.734	2.457.460.751
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.311.092.105	14.108.231.974
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.977	1.710

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013


NGUYỄN VĂN THANH
Giám đốc

LƯU THỊ TÔ NHƯ
Kế toán trưởng


HUỖNH NGỌC SƠN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính:

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		18.628.535.839	16.565.692.725
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.875.083.544	7.810.032.500
- Các khoản dự phòng	03		(149.846.596)	857.292.149
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	1.345.227.611
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.952.423.920)	(8.350.611.725)
- Chi phí lãi vay	06		1.373.422.442	823.365.031
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.774.771.309	19.050.998.291
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	VII.1; VII.2	(54.932.369.711)	(15.190.847.506)
- (Giảm)/ tăng hàng tồn kho	10		8.270.777.757	(9.599.495.450)
- Tăng /(giảm) các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)	11		17.918.335.275	14.720.421.342
- Giảm chi phí trả trước	12		426.767.232	(2.026.883.615)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.373.422.442)	(789.748.160)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.189.410.000)	(2.451.810.501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.201.021.500	1.422.832.728
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.059.358.782)	(3.636.345.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.962.887.862)	1.499.121.620
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.559.399.993)	(2.063.266.273)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	-

khác			
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(522.084.597)	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.200.000.000)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cổ tức	27	4.359.437.689	5.275.640.221
	VII.1; VII.2		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	77.953.099	3.212.373.948
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền chi chuyển đổi doanh nghiệp	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	50.426.273.666	21.013.008.053
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37.324.296.243)	(17.207.932.016)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.277.666.080)	(8.702.347.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.824.311.343	(4.897.271.563)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.939.376.580	(185.775.995)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.978.863.377	38.126.813.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	37.825.798
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	43.918.239.957	37.978.863.377
	V.1		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN VĂN THANH
Giám đốc

LƯU THỊ TỎ NHƯ
Kế toán trưởng



HUỖNH NGỌC SƠN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012****MẪU B 09a-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và xây dựng.
- 3. Ngành, nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
 - Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá;
 - Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lưu hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 141 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 135 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 thuộc năm tài chính thứ sáu của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 – 30
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Elephant được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí cải tạo mở rộng nhà máy chưa hoàn thành theo hợp đồng số 11015 ký kết ngày 7 tháng 12 năm 2011 với Công ty A.T.A.V.N.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác

Trả trước tiền thuê đất

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 20 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà xưởng, nhà ăn, nhà vệ sinh, thay đồ,... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 4 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 4 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả

hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4243/CV-UB-KT ngày 31/10/1998 thì: Công ty được giảm 50% số thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 1 năm kể từ tháng có doanh thu chịu thuế. Được miễn thuế lợi tức 2 năm đầu, kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 3 năm tiếp theo, nếu được Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội xác nhận có số lao động sử dụng bình quân trong năm ít nhất là 100 người thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 01 năm nữa. Do số lao động của Công ty đã vượt 100 người nên năm 2012 Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Ngoài ra, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

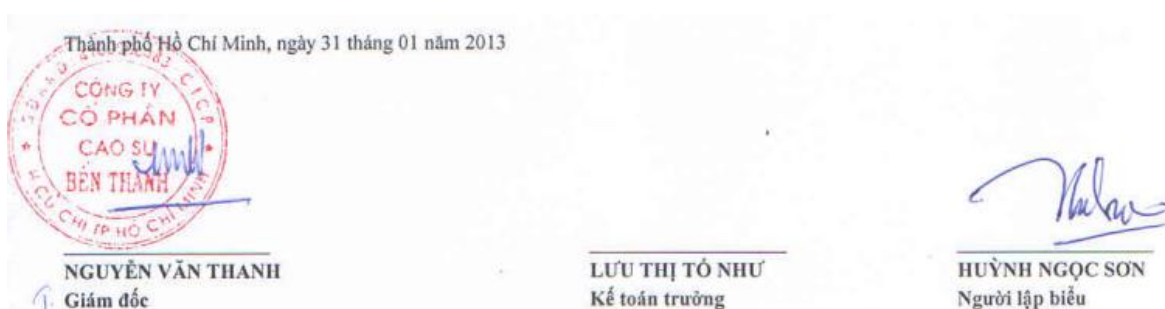
17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiết tham khảo tại link bên dưới

<http://ezsearch.fpts.com.vn/Services/EzData/default2.aspx?s=1079>



Xác nhận của người đại diện trước pháp luật





Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ,
Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-08) 3 790 7619
Fax : (84-08) 3 790 7461
Mã số thuế : 0 3 0 1 1 5 0 2 9 5

